

Bản tin

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

BỘ CÔNG THƯƠNG

SỐ TỔNG KẾT QUÝ I - RA NGÀY 29/4/2022



BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
linhntm@moit.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22192875;
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
57/GP-XBBT ngày 11/8/2020

TÌNH HÌNH CHUNG	3
THỊ TRƯỜNG CAO SU	4
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ	9
THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU	15
THỊ TRƯỜNG CHÈ	20
THỊ TRƯỜNG THỊT	24
THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN	29
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	34
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	37

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Cao su: Trong 4 tháng đầu năm 2022, giá cao su trên thị trường châu Á biến động không đồng nhất, giá tại thị trường Nhật Bản và Thái Lan có xu hướng tăng, giá tại Trung Quốc giảm.

- Cà phê: Giá cà phê trên thị trường thế giới trong 4 tháng đầu năm 2022 biến động theo xu hướng giảm.

- Hạt tiêu: Quý I/2022, giá hạt tiêu trên thị trường thế giới biến động không đồng nhất. Xu hướng này tiếp tục diễn ra trong tháng 4/2022. Năm 2021, trị giá nhập khẩu hạt tiêu của nhiều thị trường lớn trên thế giới tăng, trừ thị trường Trung Quốc giảm.

- Chè: Xri Lan-ca xuất khẩu chè trong 3 tháng đầu năm 2022 đạt 63,7 nghìn tấn, giảm 8,9% so với cùng kỳ năm 2021.

- Thịt: Giá lợn nạc tại Chicago Hoa Kỳ có xu hướng giảm trong nửa sau của tháng 4/2022. Đến cuối tháng 4/2022, giá lợn nạc tại Chicago Hoa Kỳ đã giảm 8,3% so với cuối tháng 3/2022 và giảm 5,3% so với cùng kỳ năm 2021.

- Thủy sản: Quý I/2022, xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo đạt mức cao kỷ lục; giá xuất khẩu trung bình tăng 26% so với cùng kỳ năm 2021. Các tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu thủy sản của hầu hết các thị trường tiếp tục tăng mạnh.

- Gỗ và sản phẩm gỗ: Trong quý I/2022, Trung Quốc xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 5,4 tỷ USD, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm 2021.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

- Cao su: Giá cao su tại thị trường trong nước từ đầu năm 2022 đến nay không có biến động mạnh. Quý I/2022, giá xuất khẩu bình quân nhiều chủng loại cao su tăng so với cùng kỳ năm 2021. Đầu năm 2022, thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc, Hoa Kỳ giảm, nhưng tăng tại thị trường EU.

- Cà phê: Cuối tháng 4/2022, giao dịch cà phê tại thị trường nội địa diễn ra khá ảm đạm do giá giảm sâu. Quý I/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt mức cao kỷ lục theo quý.

- Hạt tiêu: Từ đầu năm 2022 đến nay, giá hạt tiêu trong nước có xu hướng giảm. Quý I/2022, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam giảm về lượng, nhưng tăng về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

- Chè: Trong quý I/2022, xuất khẩu chè đạt 21 nghìn tấn, trị giá 36,7 triệu USD, giảm 11,9% về lượng và giảm 11,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Năm 2021, thị phần chè của Việt Nam tăng trong tổng trị giá nhập khẩu chè của EU, Pa-ki-xtan, Hoa Kỳ, nhưng thị phần

lại giảm trong tổng trị giá nhập khẩu của Nga và Anh.

- Thịt: 4 tháng đầu năm 2022, giá lợn hơi tại thị trường trong nước có xu hướng tăng trở lại do việc mở cửa các hoạt động du lịch. Quý I/2022, xuất nhập khẩu thịt các loại giảm so với cùng kỳ năm 2021.

- Thủy sản: Giá cá tra nguyên liệu tại tỉnh An Giang từ đầu năm 2022 đến nay tăng mạnh; giá tôm nguyên liệu tại Cà Mau tăng nhẹ. Quý I/2022, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng thủy sản của Việt Nam tăng so với cùng kỳ năm 2021, trừ xuất khẩu cá đóng hộp và cá khô giảm mạnh.

- Gỗ và sản phẩm gỗ: 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 5,48 tỷ USD, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2021. Năm 2021, thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ, EU, Anh và Nhật Bản giảm, trong khi thị phần trong tổng nhập khẩu của Ca-na-đa tăng.

THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Trong 4 tháng đầu năm 2022, giá cao su trên thị trường châu Á biến động không đồng nhất, giá tại thị trường Nhật Bản và Thái Lan có xu hướng tăng, giá tại Trung Quốc giảm.
- ▶ Giá cao su tại thị trường trong nước từ đầu năm 2022 đến nay không có biến động mạnh.
- ▶ Quý I/2022, giá xuất khẩu bình quân nhiều chủng loại cao su tăng so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ Đầu năm 2022, thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc, Hoa Kỳ giảm, nhưng tăng tại thị trường EU.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

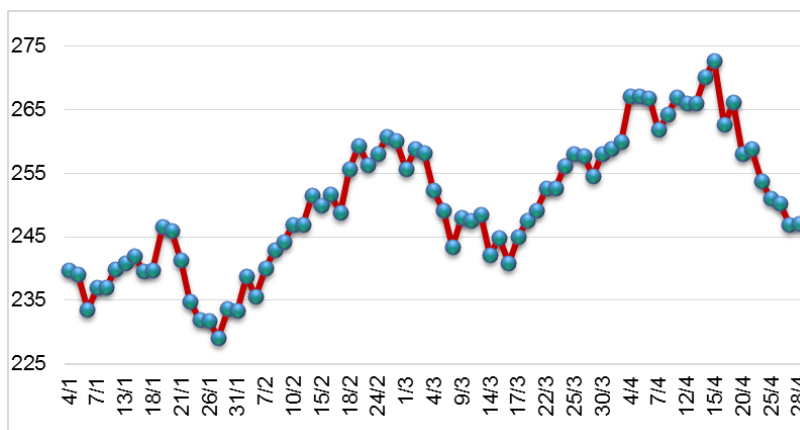
Trong quý I/2022, giá cao su tại các sàn giao dịch chủ chốt tại châu Á biến động mạnh. Giá có xu hướng tăng mạnh kể từ cuối tháng 01/2022 nhờ nhu cầu tăng cao trên thị trường thế giới. Sau đó giá cao su giảm trở lại trong nửa đầu tháng 3/2022 do lo ngại xung đột giữa Nga với U-crai-na. Tuy nhiên, mưa lớn tại Thái Lan đã ảnh hưởng đến hoạt động khai thác mủ cao su, khiến nguồn nguyên liệu thô thắt chặt và đẩy giá cao su tăng mạnh trong 15 ngày cuối tháng 3/2022, và tiếp tục tăng trong 15 ngày đầu tháng 4/2022; Đến cuối tháng 4/2022 giá giảm mạnh trở lại, cụ thể:

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange (OSE) Nhật Bản giá cao su có xu hướng tăng mạnh trong 15 ngày đầu tháng 4/2022, sau đó quay đầu giảm mạnh. Ngày 28/4/2022, giá cao su RSS3 giao tháng 5/2022 giao dịch ở mức



247 Yên/kg (tương đương 1,89 USD/kg), giảm 4,5% so với cuối tháng 3/2022, nhưng vẫn tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao su tại Nhật Bản giảm xuống mức thấp nhất trong gần 4 tuần theo xu hướng giảm của thị trường Thượng Hải và lo ngại về tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại do dịch Covid-19.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại sàn Osaka từ đầu năm 2022 đến nay
(ĐVT: Yên/kg)

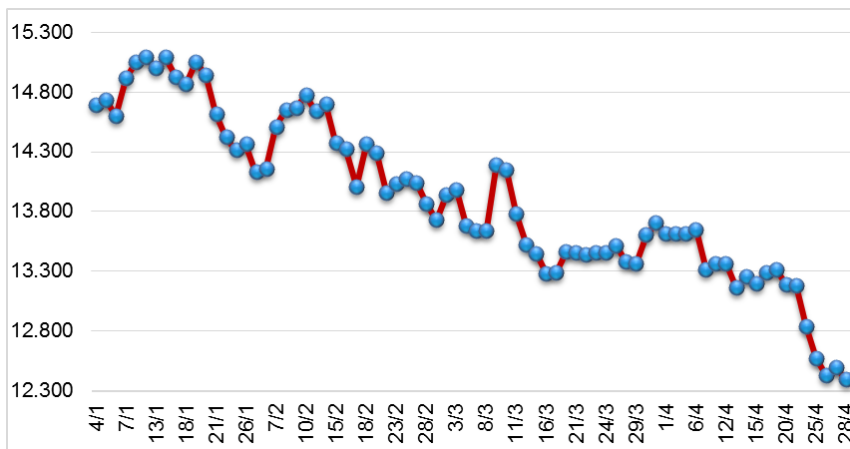


Nguồn: cf.market-info.jp

+ Tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su giảm mạnh. Ngày 28/4/2022, giá cao su RSS3 giao tháng 5/2022 ở mức 12.395 NDT/tấn (tương đương 1,87 USD/kg), giảm 9,6% so với cuối tháng

3/2022 và giảm 8,8% so với cùng kỳ năm 2021. Do dịch Covid-19 bùng phát nên Trung Quốc đã tiến hành phong tỏa nhiều tỉnh, thành phố, khiến việc tiêu thụ lốp xe bị chậm lại, ảnh hưởng đến nhu cầu đối với cao su.

Diễn biến giá cao su giao tại sàn SHFE từ đầu năm 2022 đến nay
(ĐVT: NDT/tấn)

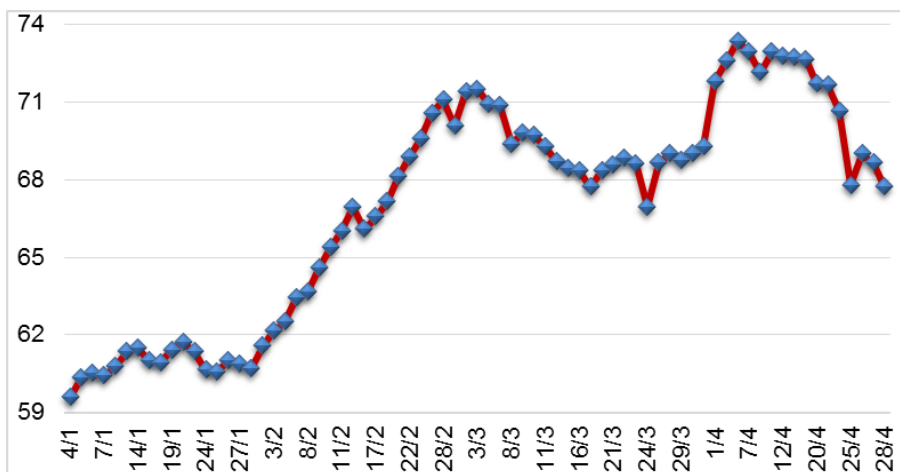


Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, giá cao su biến động mạnh, sau khi tăng lên mức 73,4 Baht/kg vào ngày 05/4/2022, giá có xu hướng giảm trở lại. Ngày 28/4/2022, giá cao su RSS3 chào bán ở mức

67,7 Baht/kg (tương đương 1,96 USD/kg), giảm 2,3% so với cuối tháng 3/2022, nhưng tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan từ đầu năm 2022 đến nay
(ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: thainr.com

Trong quý II/2022, ngành cao su toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi, giá bán sẽ tiếp tục giữ ở mức cao khi nhu cầu từ các thị trường lớn tăng, trong khi nguồn cung giảm và giá dầu thô tăng cao. Tuy nhiên, thị trường vẫn có

thể bị tác động bởi thiếu chất bán dẫn có thể ảnh hưởng đến sản xuất ô tô, khủng hoảng địa chính trị, tình trạng thiếu container, chi phí vận tải cao và thông quan chậm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng..

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong quý I/2022, giá mủ cao su nguyên liệu trên cả nước không có nhiều biến động. Giá mủ cao su nguyên liệu tại Bình Phước giữ ổn định ở mức 330-340 đồng/độ mủ. Tại Bình Dương, giá thu mua mủ cao su nguyên liệu ở mức 348-350 đồng/độ TSC. Tại Gia Lai giá thu mua ở mức 310-320 đồng/độ TSC.

Trong tháng 4/2022, giá mủ cao su nguyên liệu tại một số tỉnh thành biến động nhẹ. Tại Bình Phước giá mủ cao su nguyên liệu được Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long thu mua ở mức 335-345 đồng/độ mủ. Tại Bình Dương, giá thu mua mủ cao su nguyên liệu của Công ty cao su Phước Hòa dao động ở mức 350 đồng/độ TSC. Giá mủ cao su Gia Lai được Công ty cao su Mang Yang thu mua với giá 310-320 đồng/độ TSC.

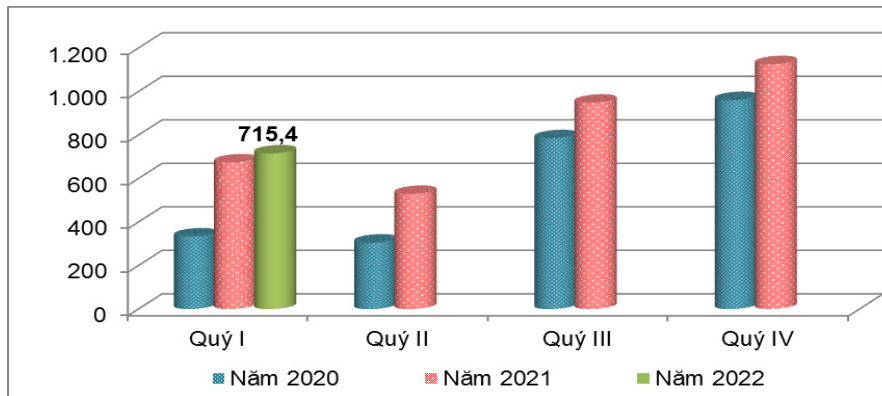


TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong quý I/2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 406,8 nghìn tấn, trị giá 715,39 triệu USD, tăng 0,3% về lượng và tăng

6,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Xuất khẩu cao su của Việt Nam trong quý I/2022 tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm 2021 nhờ nhu cầu tiêu thụ cao su toàn cầu phục hồi.

Kim ngạch xuất khẩu cao su qua các quý từ năm 2020 - 2022
(đơn vị tính: triệu USD)

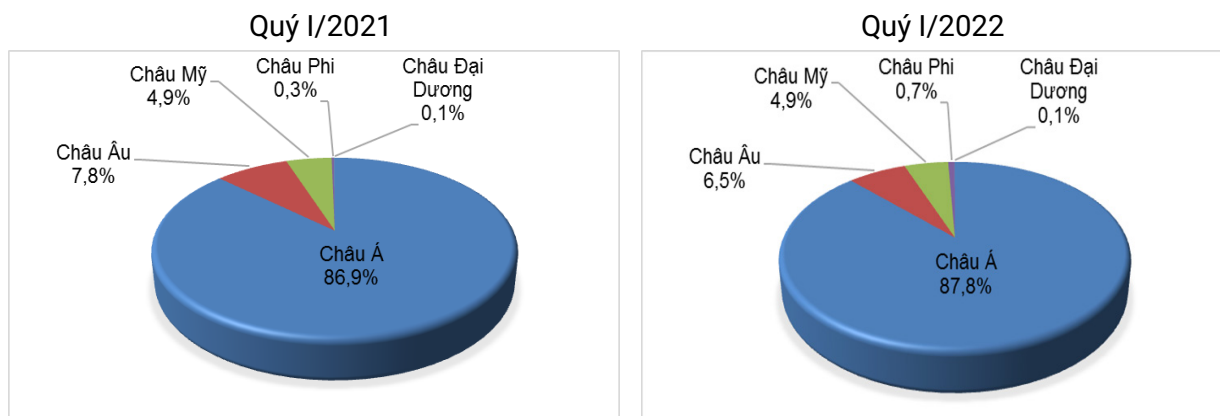


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thời gian tới, xuất khẩu cao su của Việt Nam có thể tiếp tục được hưởng lợi nhờ giá dầu thô tăng cao, nguồn cung giảm và nhu cầu cao tại các thị trường lớn. Dự báo xuất khẩu cao su của Việt Nam sang các thị trường lớn như EU, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Ấn Độ... sẽ tiếp tục tăng và Trung Quốc vẫn sẽ là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam.

Về thị trường xuất khẩu: Trong quý I/2022, cao su của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang khu vực châu Á, chiếm tới 87,8% tổng trị giá xuất khẩu cao su của cả nước. Quý I/2022, xuất khẩu cao su sang khu vực châu Á đạt 356,51 nghìn tấn, trị giá 628,18 triệu USD, giảm 0,1% về lượng, nhưng tăng 7,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Cơ cấu khu vực thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam (% tính theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong quý I/2022, Trung Quốc vẫn là thị trường lớn nhất tiêu thụ cao su của Việt Nam với 280,23 nghìn tấn, trị giá 483,2 triệu USD, giảm 3,3% về lượng, nhưng tăng 4,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 67,5% trong tổng trị giá xuất khẩu cao su của cả nước.

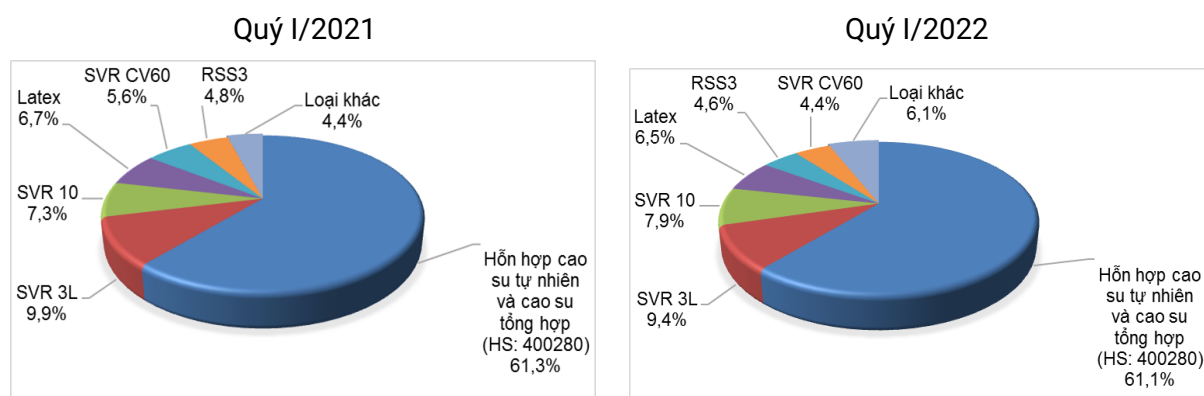
Đứng thứ hai là Ấn Độ với 28,76 nghìn tấn, trị giá 52,54 triệu USD, tăng 40,7% về lượng và tăng 41,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 7,3% trong tổng trị giá xuất khẩu cao su của cả nước.

Về chủng loại xuất khẩu: Trong quý I/2022, hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (mã HS: 400280) là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất, chiếm 61,1% tổng lượng cao su xuất khẩu của cả nước, với 250,94 nghìn tấn,

trị giá 437,39 triệu USD, giảm 2,5% về lượng, nhưng tăng 5,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 99,5% tổng lượng hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp xuất khẩu của cả nước, đạt 250,01 nghìn tấn, trị giá 435,17 triệu USD, giảm 2,3% về lượng, nhưng tăng 5,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Về giá xuất khẩu: Quý I/2022, giá xuất khẩu bình quân nhiều chủng loại cao su có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2021, trong đó đáng chú ý như: Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS: 400280) đạt 1.743 USD/tấn, tăng 8,5%; SVR10 đạt 1.811 USD/tấn, tăng 10,6%; cao su tổng hợp đạt 2.627 USD/tấn, tăng 36,4%; SVR 20 đạt 1.754 USD/tấn, tăng 7,1%...

Chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam (% tính theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của ITC, năm 2021, nhập khẩu cao su của 5 thị trường lớn đều tăng so với năm 2020. Trong đó tăng mạnh nhất là các thị trường: Ma-lai-xi-a, Hoa Kỳ, Ấn Độ, EU, Trung Quốc... Nhập khẩu cao su từ Việt Nam của các thị trường này đều tăng trưởng tốt so với năm 2020 (trừ Ma-lai-xi-a giảm nhập khẩu từ Việt Nam). Tuy nhiên, ngoài Trung Quốc thì thị phần cao su của Việt Nam tại các thị trường này vẫn ở mức thấp.

EU: Năm 2021, EU là thị trường nhập khẩu cao su lớn nhất thế giới, đạt 13,73 tỷ USD, tăng 40,5% so với năm 2020. Trong đó, EU nhập khẩu cao su từ Việt Nam đạt 206,86 triệu USD, tăng 84,4% so với năm 2020, thị phần cao su Việt Nam chiếm 1,5% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU trong năm 2021, tăng so với mức 1,1% của năm 2020. Tại EU, ngành công nghiệp sản xuất, tiêu dùng đang phát triển mạnh mẽ (sản xuất máy bay, ô tô, xe máy, thiết bị, máy móc cho ngành chế tạo, y tế, hàng tiêu dùng), nhu cầu tiêu thụ của EU đối với cao su và các sản phẩm từ cao su rất lớn, đặc biệt là các chủng loại cao su cao cấp (SVRCV) và chủng loại SVR10, SVR20. Dự báo thời gian tới xuất khẩu các mặt hàng này tới thị trường EU sẽ tiếp tục tăng. Để đáp ứng yêu cầu của thị trường EU, ngành cao su cần hướng tới mục tiêu sản xuất bền vững theo tiêu chuẩn của FSC.

Trung Quốc: Năm 2021, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu cao su đứng thứ hai thế giới, đạt 11,35 tỷ USD, tăng 3,7% so với năm 2021. Năm 2021, Trung Quốc nhập khẩu cao su từ Việt Nam đạt 2 tỷ USD, tăng 12,4% so với năm

2020. Thị phần cao su Việt Nam chiếm 17,7% trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc, tăng so với mức 16,3% của năm 2020.

Năm 2022, dự báo nhập khẩu cao su của Trung Quốc vẫn ở mức cao, nhưng sẽ khó tăng đột biến do Trung Quốc thực hiện chính sách “Zero Covid”. Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, kim ngạch nhập khẩu cao su của Trung Quốc trong quý I/2022 đạt 3,58 tỷ USD, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nhập khẩu cao su của Trung Quốc từ Việt Nam đạt 621,77 triệu USD, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cao su Việt Nam chiếm 17,3% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc, giảm so với mức 19,2% của cùng kỳ năm 2021.

Hoa Kỳ: Năm 2021, Hoa Kỳ là thị trường lớn thứ 3 thế giới về nhập khẩu cao su, đạt 4,55 tỷ USD, tăng 49,8% so với năm 2020. Trong đó, Hoa Kỳ nhập khẩu cao su từ Việt Nam đạt 84,28 triệu USD, tăng 114,1% so với năm 2020. Thị phần cao su Việt Nam chiếm 1,9% trong tổng trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ trong năm 2021, tăng so với mức 1,3% của năm 2020. Kinh tế Hoa Kỳ đang dần hồi phục, nhu cầu cao su của Hoa Kỳ được dự báo sẽ tăng trưởng trong năm 2022. Trong 2 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ đạt 751,32 triệu USD, tăng 46,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nhập khẩu cao su của Hoa Kỳ từ Việt Nam đạt 11,04 triệu USD, giảm 24,5% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cao su Việt Nam chiếm 1,5% trong tổng trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ, giảm so với mức 2,8% của cùng kỳ năm 2021.

10 thị trường nhập khẩu cao su lớn nhất thế giới năm 2021 và thị phần của Việt Nam

Thị trường	Tổng nhập khẩu từ các thị trường		Tổng nhập khẩu từ Việt Nam		Thị phần cao su của Việt Nam/tổng nhập khẩu (%)	
	Năm 2021 (nghìn USD)	So với năm 2020 (%)	Năm 2021 (nghìn USD)	So với năm 2020 (%)	Năm 2020	Năm 2021
EU	13.729.806	40,5	206.865	84,4	1,1	1,5
Trung Quốc	11.357.175	3,7	2.005.905	12,4	16,3	17,7
Hoa Kỳ	4.550.508	49,8	84.288	114,1	1,3	1,9
Ma-lai-xi-a	4.367.915	68,9	18.117	-11,7	0,8	0,4
Ấn Độ (*)	3.754.090	37,5	243.560	142,3	3,7	6,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC, * Bộ Thương mại Ấn Độ

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ 4 tháng đầu năm 2022, giá cà phê trên thị trường thế giới biến động theo xu hướng giảm.
- ▶ Cuối tháng 4/2022, giao dịch cà phê tại thị trường nội địa diễn ra khá ảm đạm do giá giảm sâu.
- ▶ Quý I/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt mức cao kỷ lục theo quý.
- ▶ Năm 2021, thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19, tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ cà phê vẫn có xu hướng tăng.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Quý I/2022, giá cà phê Robusta thế giới biến động thất thường. Giá ghi nhận mức cao trong 2 tháng đầu năm. Tuy nhiên, giá giảm xuống mức thấp nhất vào thời điểm đầu tháng 3/2022, sau đó có xu hướng phục hồi trở lại, song vẫn ở mức thấp so với 2 tháng đầu năm.

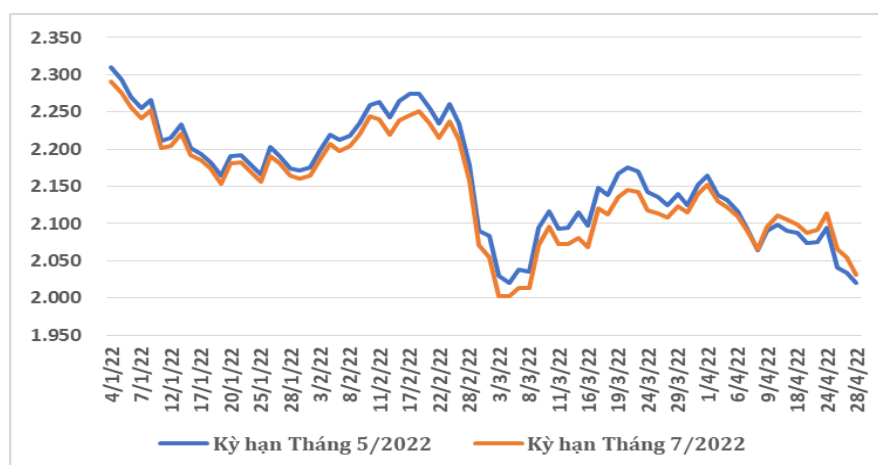
Tháng 4/2022, giá cà phê Robusta thế giới biến động theo xu hướng giảm do áp lực dư cung, nhu cầu tiêu thụ giảm. Nguồn cung cà phê dồi dào do hàng vụ mới của Bra-xin và In-đô-nê-xi-a. Bên cạnh đó, đồng Real suy yếu trở lại hỗ trợ người trồng cà phê Bra-xin đẩy mạnh bán ra. Trái lại, giá cà phê Arabica hồi phục do báo cáo thời tiết khô hạn tại vùng trồng chính của Bra-xin.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 28/4/2022, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao



tháng 5/2022, tháng 7/2022, tháng 9/2022 và tháng 11/2022 giảm lần lượt 5,6%, 4,3%, 3,2% và 2,6% so với ngày 29/3/2022, xuống còn 2.021 USD/tấn; 2.032 USD/tấn; 2.041 USD/tấn và 2.044 USD/tấn.

Diễn biến giá cà phê robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ đầu năm 2022 đến nay (ĐVT: USD/tấn)

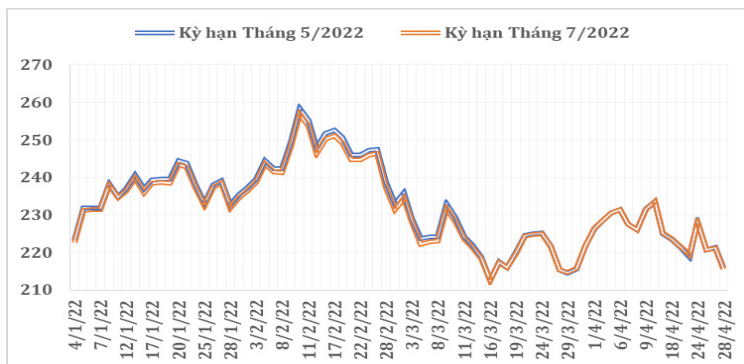


Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 28/4/2022 giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 5/2022, tháng 7/2022, tháng 9/2022 và tháng 12/2022 tăng lần lượt 0,7%, 0,4%, 0,6%

và 1,1% so với ngày 29/3/2022, lên mức 215,95 Uscent/lb; 215,55 Uscent/lb; 215,5 Uscent/lb và 215,05 Uscent/lb.

Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ đầu năm 2022 đến nay (ĐVT: UScent/lb)



Nguồn: Sàn giao dịch New York

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, giá cà phê Arabica biến động không đồng nhất. Ngày 28/4/2022, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 5/2022 giảm 1,9% so với ngày 29/3/2022, xuống còn 262 Uscent/lb. Ngược lại, giá cà phê giao kỳ hạn tháng 7/2022, tháng 9/2022 và tháng 12/2022 tăng lần lượt 0,4%, 0,1% và 0,7% so với ngày 29/3/2022, lên mức 267,25 Uscent/lb; 268,5 Uscent/lb và 268,4 Uscent/lb.

5% giao dịch ở mức giá 2.087 USD/tấn, chênh lệch +55 USD/tấn, giảm 108 USD/tấn (tương đương mức giảm 4,9%) so với ngày 29/3/2022.

Dự báo giá cà phê thế giới tiếp tục giảm do áp lực dư cung, nhu cầu suy yếu. Dự báo mới nhất của Citigroup cho rằng trong niên vụ cà phê mới 2022/2023 toàn cầu sẽ dư thừa 3,5 triệu bao, so với mức thiếu hụt 7,3 triệu bao của niên vụ 2021/2022. Căng thẳng địa chính trị kéo theo nhu cầu tiêu thụ suy yếu, trong khi vụ mùa cà phê mới của Bra-xin theo chu kỳ "hai năm một".

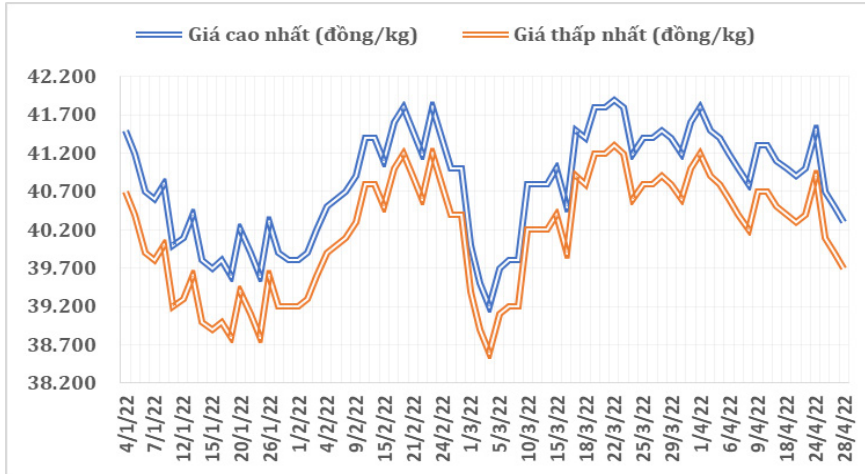


TRONG NƯỚC: GIÁ CÀ PHÊ GIẢM MẠNH

Giao dịch cà phê tại thị trường nội địa diễn ra khá ảm đạm do giá giảm sâu. Ngày 28/4/2022, giá cà phê Robusta tại Việt Nam giảm 1.100 đồng/kg so với ngày 29/3/2022,

xuống mức thấp nhất 39.700 đồng/kg tại tỉnh Lâm Đồng; mức cao nhất 40.300 đồng/kg; tại tỉnh Đắk Lắk; tại tỉnh Gia Lai và Đắk Nông giá ở mức 40.200 đồng/kg.

Diễn biến giá cà phê Robusta trong nước từ đầu năm 2022 đến nay



Nguồn: Tintaynguyen.com

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ QUÝ I/2022 ĐẠT MỨC CAO NHẤT TÍNH THEO QUÝ TRONG VÒNG 3 NĂM GẦN ĐÂY

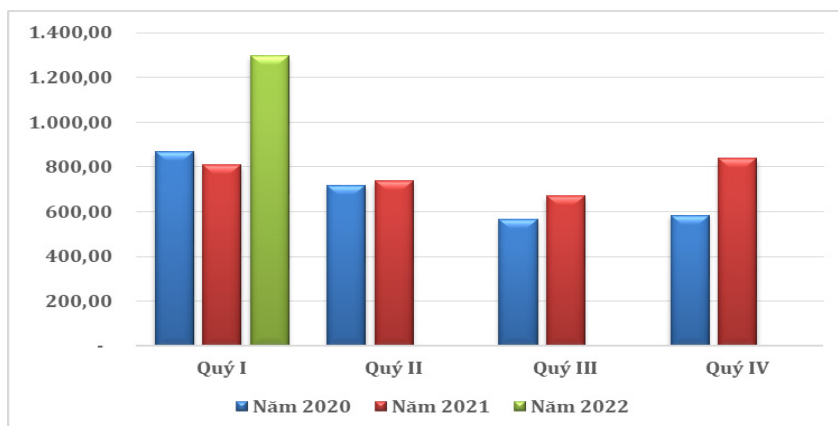
Quý I/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt mức cao kỷ lục theo quý. Nhu cầu tiêu thụ tăng và hoạt động thông quan thuận lợi hơn đã tác động tích cực lên hoạt động xuất khẩu cà phê của Việt Nam.

quan, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong quý I/2022 đạt 581,7 nghìn tấn, trị giá 1,3 tỷ USD, tăng 28,3% về lượng và tăng 60,2% về trị giá so với quý I/2021; so với quý I/2020 tăng 12,8% về lượng và tăng 49,1% về trị giá.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải

Xuất khẩu cà phê qua các quý giai đoạn 2020 - 2022

(ĐVT: triệu USD)



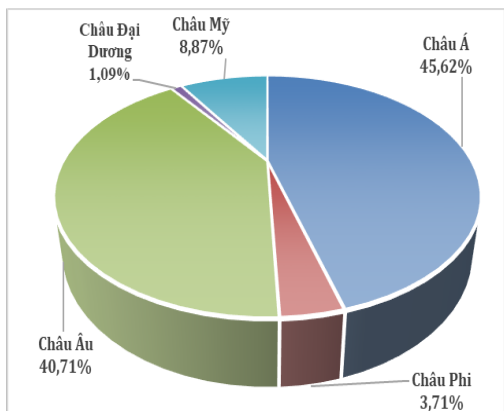
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Quý I/2022, xuất khẩu cà phê sang tất cả các khu vực trên thế giới đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu cà phê sang khu vực châu Âu tăng mạnh nhất, tăng 92,6%. Tỷ trọng xuất khẩu cà phê sang châu Âu

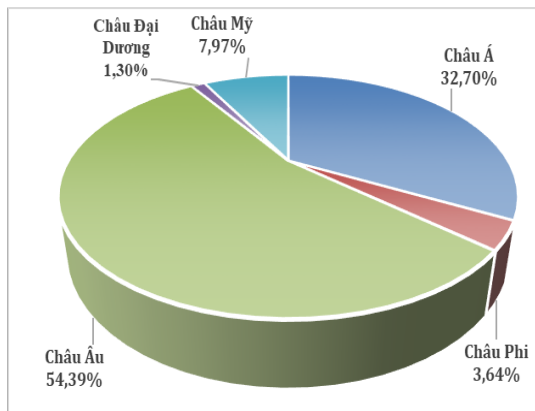
chiếm 54,39% tổng trị giá xuất khẩu trong quý I/2022, cao hơn nhiều so với tỷ trọng 40,71% trong quý I/2021. Ngược lại, tỷ trọng xuất khẩu cà phê sang châu Á giảm từ 45,62% trong quý I/2021 xuống 32,7% trong quý I/2022.

Cơ cấu khu vực thị trường xuất khẩu cà phê trong quý I
(tỷ trọng tính theo trị giá)

Quý I/2021



Quý I/2022



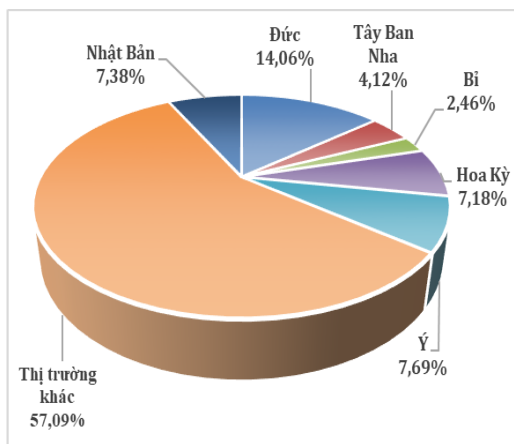
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Quý I/2022 so với quý I/2021, xuất khẩu cà phê sang hầu hết các thị trường khu vực châu Âu tăng, ngoại trừ Nga, Ba Lan, Hy Lạp. Tại khu vực châu Á, xuất khẩu cà phê sang một số

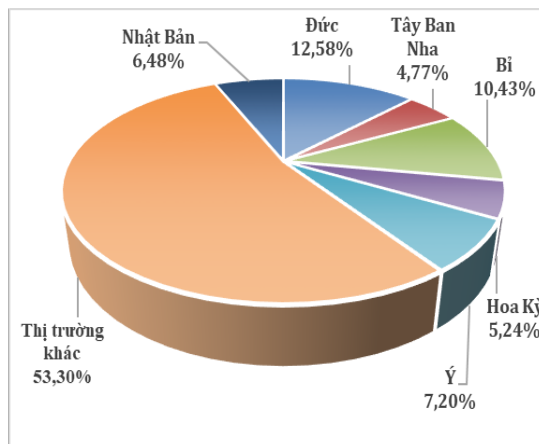
thị trường giảm, gồm: Hàn Quốc, Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a. Đối với khu vực châu Mỹ, xuất khẩu cà phê sang Hoa Kỳ, Ca-na-đa giảm.

Cơ cấu các thị trường xuất khẩu cà phê lớn trong quý I
(Tỷ trọng tính theo trị giá)

Quý I/2021



Quý I/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Quý I/2022, xuất khẩu cà phê Robusta và cà phê chế biến tăng, trong khi xuất khẩu cà phê Arabica và cà phê Excelsa giảm so với quý

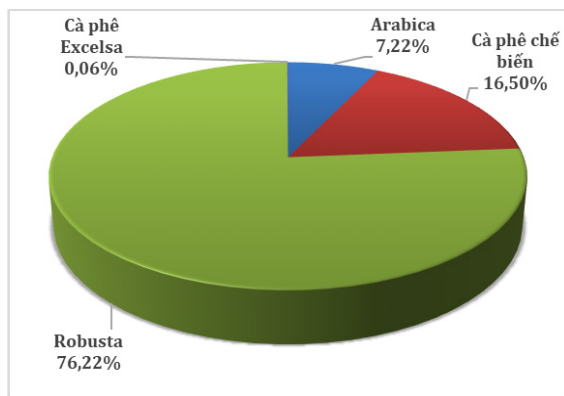
I/2021. Theo thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê Robusta trong quý I/2022 đạt 529,2 nghìn tấn, trị giá 1,05 tỷ USD,

tăng 33,5% về lượng và tăng 70,5% về trị giá so với quý I/2021; cà phê chế biến tăng 12,5%, đạt xấp xỉ 150,1 triệu USD. Ngược lại, xuất khẩu cà phê Arabica trong quý I/2022 giảm 5,1% về lượng, nhưng tăng 61,5% về trị giá so với cùng

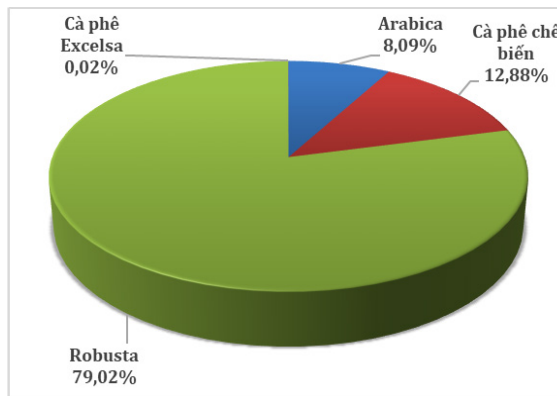
kỳ năm 2021, đạt 20,87 nghìn tấn, trị giá 94,24 triệu USD; xuất khẩu cà phê Excelsa giảm 56,6% về lượng và giảm 41% về trị giá, đạt 95 tấn, trị giá 225 nghìn USD.

Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu trong quý I
(Tỷ trọng tính theo trị giá)

Quý I/2021



Quý I/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Dự báo quý II/2022 xuất khẩu cà phê của Việt Nam tiếp tục tăng nhờ nguồn cung dồi dào, các Hiệp định thương mại tự do tạo lợi thế cạnh tranh cho cà phê Việt Nam. Tuy nhiên, giá cà phê sau khi tăng mạnh trong các tháng đầu năm 2022, thì sang tháng 3 và tháng 4/2022 có xu hướng giảm do áp lực về nguồn cung dồi dào và nhu cầu tiêu thụ giảm trong ngắn hạn do lạm phát tăng cao.



DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG CỦA 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ LỚN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Năm 2021, thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19, tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ cà phê vẫn có xu hướng tăng. Do đó, hầu hết các quốc gia có dung lượng thị trường lớn đều tăng nhập khẩu cà phê phục vụ nhu cầu tiêu thụ nội địa và ngành công nghiệp sản xuất cà phê chế biến, ngoại trừ Anh giảm 6,2% so với năm 2020.

Đối với ngành cà phê Việt Nam, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 khiến hoạt động sản xuất và thông quan hàng hóa diễn ra không thuận lợi. Nhiều thị trường nhập khẩu lớn tăng nhập khẩu cà phê từ các nguồn cung khác, nhưng giảm nhập khẩu từ Việt Nam.

Theo Cơ quan Thống kê châu Âu, năm 2021, EU nhập khẩu cà phê đạt 2,892 triệu tấn, trị giá 15,54 tỷ EUR (16,47 tỷ USD), tăng 0,1% về lượng và tăng 8,4% về trị giá so với năm 2020. Trong đó, EU nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 548,44 nghìn tấn, trị giá 867,1 triệu EUR (919,13 triệu USD), giảm 14,6% về lượng và giảm 8,7% về trị giá so với năm 2020. Nguyên nhân chính là do diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, dẫn đến nguồn cung cà phê của Việt Nam bị gián đoạn. Cập nhật số liệu công bố mới nhất của Cơ quan Thống kê châu Âu, tháng 1/2022, EU nhập khẩu cà phê đạt 243,86 nghìn tấn, trị giá 1,6 tỷ EUR (1,7 tỷ USD),

giảm nhẹ 0,01% về lượng, nhưng tăng 43,3% về trị giá so với tháng 1/2021. Trong đó, EU nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 42,3 nghìn tấn, trị giá 92,75 triệu EUR (98,32 triệu USD), giảm 10,8% về lượng, nhưng tăng 38,1% về trị giá. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của EU chiếm 17,34% trong tháng 1/2022, thấp hơn so với thị phần 19,44% trong tháng 1/2021. Mức giảm này được cho là diễn ra trong ngắn hạn, bởi nhu cầu tiêu thụ cà phê hòa tan tại nhà ở EU tăng, kéo theo nhu cầu nhập khẩu cà phê Robusta phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến cà phê nước này.



5 thị trường nhập khẩu cà phê lớn và thị phần của Việt Nam năm 2021

Tỷ giá quy đổi 1 EUR = 1,06 USD (ngày 27/4/2022)

Thị trường	Nhập khẩu từ thế giới		Nhập khẩu từ Việt Nam		Thị phần nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
	Năm 2021 (nghìn USD)	So sánh (%)	Năm 2021 (nghìn USD)	So sánh (%)	Năm 2021	Năm 2020
EU	15.556.649	9,6	919.132	-8,7	6,26	7,52
Hoa Kỳ	6.920.018	21,9	282.642	-3,8	4,08	5,18
Canada	1.423.538	18,0	16.564	39,7	1,16	0,98
Anh	945.562	-6,2	66.164	-31,1	7,00	9,53
Thụy Sĩ	994.586	16,3	29.835	-3,4	3,00	3,61

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế; Cơ quan Thống kê châu Âu

(* Ghi chú HS 0901 Cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc chưa tách cafein; vỏ và vỏ cà phê; sản phẩm thay thế

THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU

- ▶ 4 tháng đầu năm 2022, giá hạt tiêu trên thị trường thế giới biến động không đồng nhất.
- ▶ Từ đầu năm 2022 đến nay, giá hạt tiêu trong nước có xu hướng giảm.
- ▶ Quý I/2022, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam giảm về lượng, nhưng tăng về trị giá.
- ▶ Năm 2021, trị giá nhập khẩu hạt tiêu của nhiều thị trường lớn trên thế giới tăng, trừ thị trường Trung Quốc giảm.

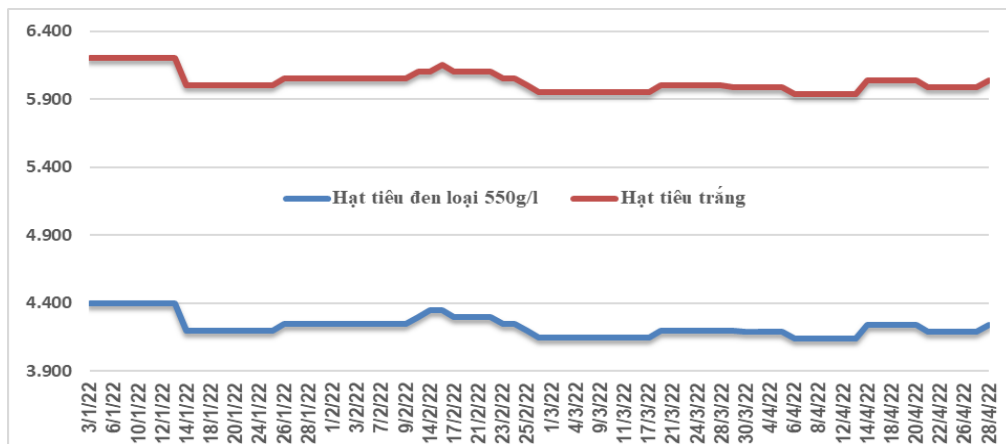
THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU THẾ GIỚI

Quý I/2022, giá hạt tiêu trên thị trường thế giới biến động không đồng nhất. Xu hướng này tiếp tục diễn ra trong tháng 4/2022.

+ Tại Bra-xin, ngày 28/4/2022, giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng 50 USD/tấn so với ngày 30/3/2022, lên mức 3.900 USD/tấn.

+ Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28/4/2022, giá hạt tiêu đen loại 500g/l và 550g/l xuất khẩu cùng tăng 50 USD/tấn so với ngày 30/3/2022, lên mức 4.040 USD/tấn và 4.240 USD/tấn. Giá hạt tiêu trắng xuất khẩu tăng 50 USD/tấn so với ngày 30/3/2022, lên mức 6.040 USD/tấn.

Diễn biến giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu của Việt Nam từ đầu năm 2022 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Hiệp hội hạt tiêu Quốc tế (IPC)

+ Tại cảng Kuching của Ma-lai-xi-a, ngày 28/4/2022 giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu lần lượt ở mức 5.900 USD/tấn và 7.600 USD/tấn, ổn định so với ngày 30/3/2022.

+ Tại cảng Lampung ASTA của In-đô-nê-xi-a, ngày 28/4/2022 giá hạt tiêu đen xuất khẩu giảm 37 USD/tấn so với ngày 30/3/2022, xuống mức 4.105 USD/tấn. Tại cảng Muntok, giá hạt tiêu trắng xuất khẩu giảm 925 USD/tấn so với ngày 30/3/2022, xuống còn 5.988 USD/tấn.

+ Tại cảng Kochi (Ấn Độ), ngày 27/4/2022, giá hạt tiêu đen xuất khẩu giảm 98 USD/tấn so với ngày 30/3/2022, xuống mức 6.803 USD/tấn.

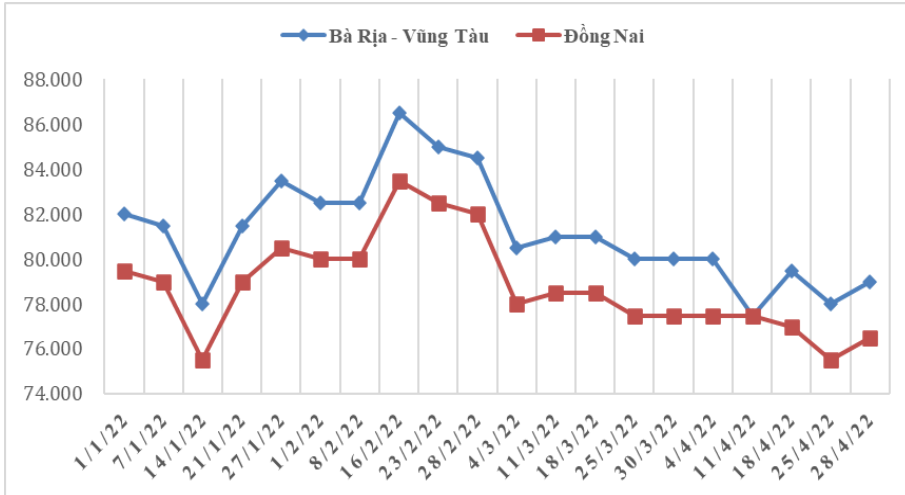
Dự báo giá hạt tiêu toàn cầu sẽ giảm trong thời gian tới do nhu cầu tiêu thụ giảm. Căng thẳng địa chính trị khiến lạm phát tăng cao, người dân có xu hướng thắt chặt chi tiêu. Điều này tác động tiêu cực lên hoạt động xuất, nhập khẩu mặt hàng hạt tiêu toàn cầu.

TRONG NƯỚC: GIÁ HẠT TIÊU ĐEN GIẢM MẠNH

Quý I/2022, giá hạt tiêu đen trong nước biến động khá thất thường, sau khi giá có xu hướng giảm trong tháng 1/2022 thì tăng mạnh trở lại trong tháng 2/2022. Tuy nhiên, đà tăng giá không duy trì lâu do nhu cầu tiêu thụ giảm. Xu hướng giảm giá duy trì trong tháng 4/2022. Ngày 28/4/2022, giá hạt tiêu đen giảm từ

1.000 - 1.500 đồng/kg so với ngày 30/3/2022, xuống mức thấp nhất 76.000 đồng/kg tại tỉnh Gia Lai; mức cao nhất 79.000 đồng/kg tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; tại các tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông ở mức 77.000 đồng/kg; tại tỉnh Đồng Nai ở mức 76.500 đồng/kg.

Diễn biến giá hạt tiêu đen tại thị trường trong nước từ tháng 1/2022 đến nay



Nguồn: Hiệp hội Hạt tiêu Việt Nam

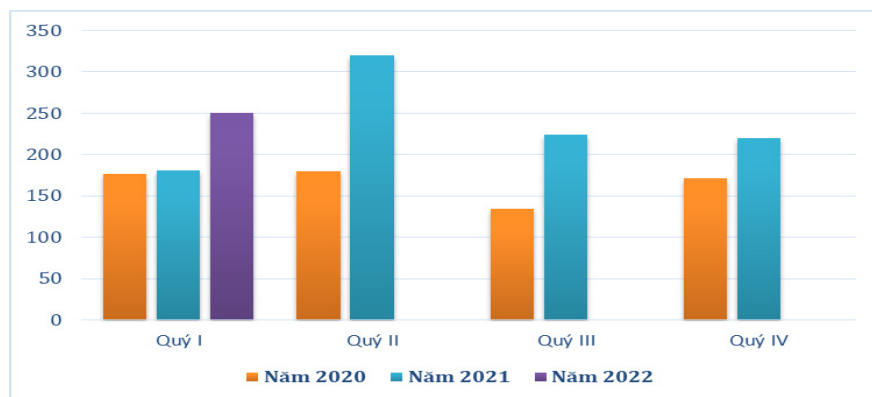


QUÝ I/2022, XUẤT KHẨU HẠT TIÊU GIẢM VỀ LƯỢNG, NHƯNG TĂNG MẠNH VỀ TRỊ GIÁ SO VỚI QUÝ I/2021

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hạt tiêu trong quý I/2022 đạt 53,8 nghìn tấn, trị giá 250,8 triệu USD, giảm

12,1% về lượng nhưng tăng 40,3% về trị giá so với quý I/2021, so với quý I/2020 giảm 33,1% về lượng nhưng tăng 42,5% về trị giá.

Trị giá xuất khẩu hạt tiêu qua các quý giai đoạn 2020 - 2022
(ĐVT: triệu USD)



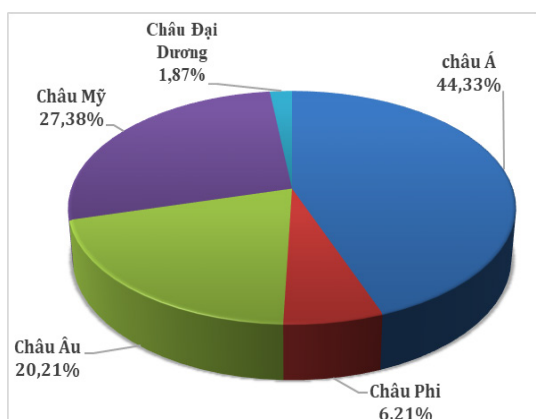
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Quý I/2022 so với quý I/2021, trị giá xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang hầu hết khu vực thị trường tăng, ngoại trừ châu Đại Dương giảm 44,6%. Trong đó, tốc độ xuất khẩu hạt tiêu sang khu vực châu Âu tăng mạnh nhất (tăng 92,9%); châu Mỹ (tăng 63,5%); châu Phi (tăng 10,3%) và châu Á (tăng 6,4%).

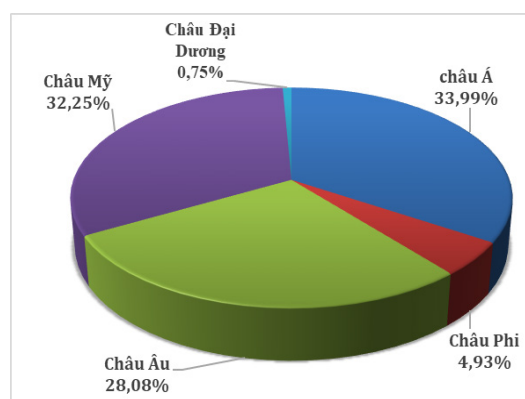
Tỷ trọng xuất khẩu hạt tiêu sang khu vực châu Á chiếm 33,99% tổng trị giá xuất khẩu trong quý I/2022, thấp hơn so với 44,33% trong quý I/2021. Ngược lại, tỷ trọng xuất khẩu hạt tiêu sang châu Âu tăng từ 20,21% trong quý I/2021 lên 28,08% trong quý I/2022.

Cơ cấu khu vực thị trường xuất khẩu hạt tiêu trong quý I
(tỷ trọng tính theo trị giá)

Quý I/2021



Quý I/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Quý I/2022, trị giá xuất khẩu hạt tiêu sang hầu hết các thị trường chủ lực tăng. Trong đó,

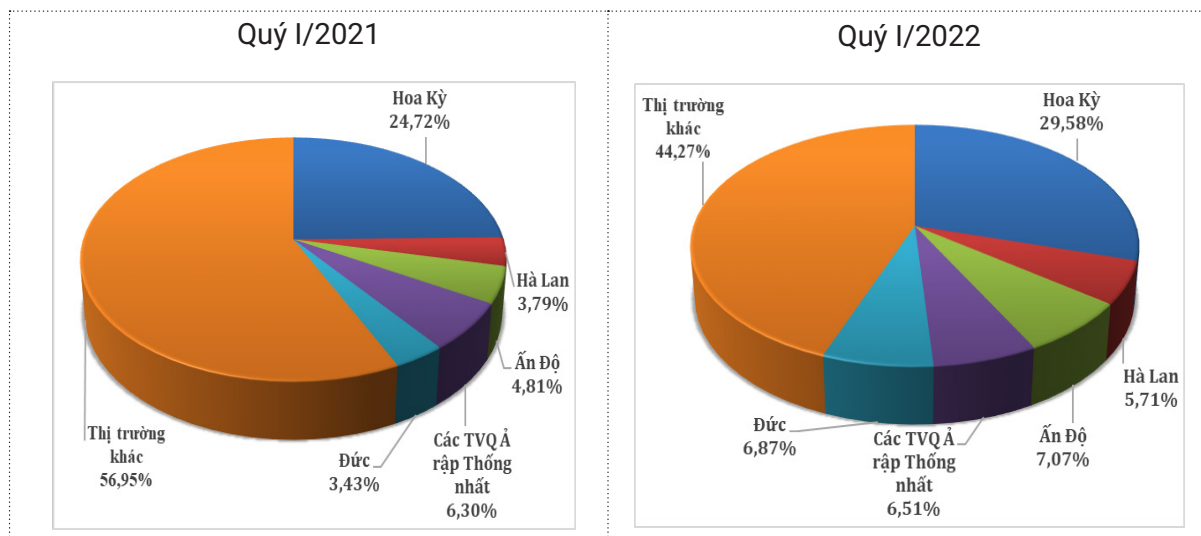
tốc độ xuất khẩu sang Phi-líp-pin đạt cao nhất (tăng 868,9%); tiếp đến là các thị trường: Thái

Lan (tăng 251%); Đức (tăng 178,9%); Hàn Quốc (tăng 166,5%); Hà Lan (tăng 110,1%); Ấn Độ (tăng 104,7%); Hoa Kỳ (tăng 66,7%); Anh (tăng 54,2%); Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất (tăng 43,8%). Tỷ trọng xuất khẩu hạt tiêu

của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ tăng từ 24,72% trong quý I/2021 lên 29,58% trong quý I/2022; Ấn Độ tăng từ 4,81% lên 7,07%; Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất tăng từ 6,30% lên 6,51%.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu hạt tiêu trong quý I

(Tỷ trọng tính theo trị giá)



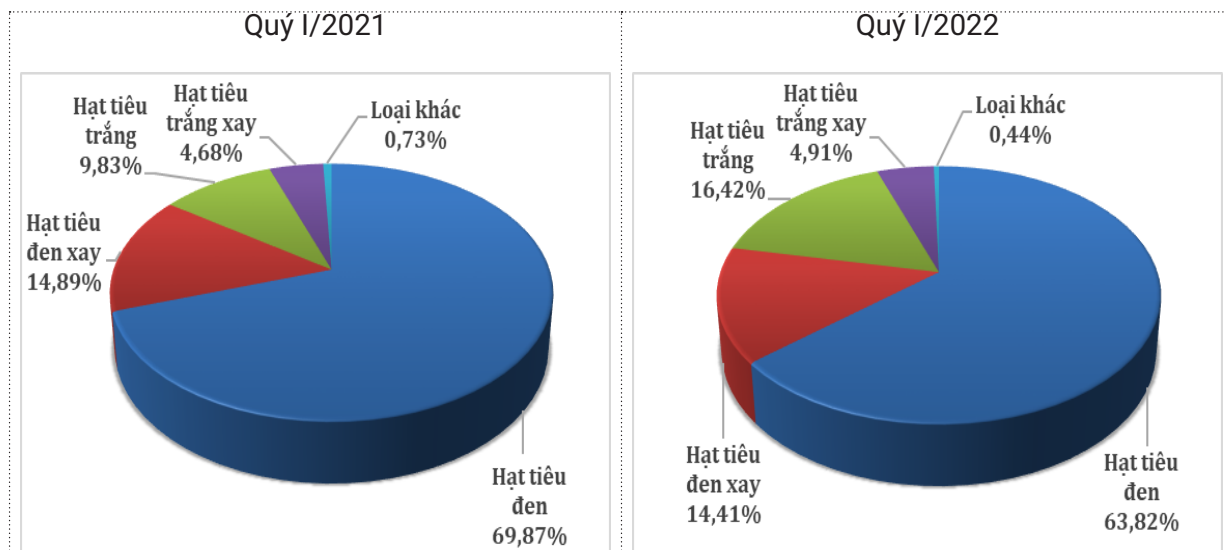
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Quý I/2022, trị giá xuất khẩu tất cả các chủng loại hạt tiêu tăng so với cùng kỳ năm 2021 nhờ giá tăng mạnh. Tốc độ xuất khẩu tăng mạnh nhất là hạt tiêu trắng tăng 131,7%; mức tăng thấp nhất là hạt tiêu đen tăng 26,8%.

Tỷ trọng xuất khẩu hạt tiêu trắng tăng từ 9,83% trong quý I/2021 lên 16,42% trong quý I/2022. Ngược lại, tỷ trọng xuất khẩu hạt tiêu đen giảm từ 14,89% trong quý I/2021 xuống 14,41% trong quý I/2022.

Cơ cấu chủng loại hạt tiêu xuất khẩu trong quý I

(Tỷ trọng tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Dự báo xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sẽ khó khăn trong các tháng còn lại của quý II/2022. Thông tin từ Hiệp hội Hạt tiêu Việt Nam, nguồn cung hạt tiêu khá dồi dào, nhu cầu nhập khẩu thấp. Hiện nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ đã mở cửa trở lại, song nhu cầu đi lại của người dân vẫn khá hạn chế. Nguồn hàng được khách hàng sử dụng chủ yếu là hàng đã ký từ 3 - 4 tháng trước. Giá hạt tiêu khó có thể tăng mạnh nếu như thị trường Trung Quốc chưa mua trở lại.

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT TIÊU CỦA 5 THỊ TRƯỜNG LỚN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Năm 2021, giá hạt tiêu toàn cầu tăng mạnh là nguyên nhân khiến trị giá nhập khẩu mặt hàng này của hầu hết các thị trường tăng so với năm 2020, ngoại trừ Trung Quốc.

Thị trường EU

Năm 2021, EU nhập khẩu hạt tiêu từ thị trường thế giới đạt 413,74 triệu EUR (438,56 triệu USD), tăng 28,3% so với năm 2020. Trong đó, EU nhập khẩu hạt tiêu từ Việt Nam đạt 123 triệu EUR (130,45 triệu USD), tăng 46,9% so với năm 2020. Thị phần hạt tiêu của Việt Nam chiếm 29,75% trong tổng giá trị nhập khẩu của EU, cao hơn so với 25,98% trong năm 2020. Dự báo trong năm 2022, EU tiếp tục tăng nhập khẩu hạt tiêu từ Việt Nam. EVFTA tạo điều kiện thuận lợi, giúp ngành hạt tiêu đẩy mạnh xuất khẩu vào EU. Cập nhật số liệu công bố mới nhất từ Cơ quan Thống kê châu Âu, tháng 1/2022, EU nhập khẩu hạt tiêu từ thị trường thế giới đạt 43,56 triệu EUR (46,17 triệu USD), tăng mạnh 66% so với tháng 1/2021. Trong đó, EU nhập khẩu hạt tiêu từ Việt Nam đạt trên 13

triệu EUR (13,87 triệu USD), tăng tới 110,8% so với tháng 1/2021.

Thị trường Trung Quốc

Năm 2021, nhập khẩu hạt tiêu của Trung Quốc đạt 54,3 triệu USD, giảm 16,7% so với năm 2020. Trong đó, nhập khẩu hạt tiêu của Trung Quốc từ Việt Nam đạt 17,5 triệu USD, giảm 0,8%. Mặc dù vậy, thị phần hạt tiêu của Việt Nam chiếm 32,23% trong tổng giá trị nhập khẩu của Trung Quốc năm 2021, cao hơn so với 27,06% trong năm 2020.

Quý I/2022, nhập khẩu hạt tiêu của Trung Quốc tiếp tục giảm. Chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc tác động tiêu cực đến hoạt động thương mại hàng hóa nói chung, mặt hàng hạt tiêu nói riêng. Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, quý I/2022, Trung Quốc nhập khẩu hạt tiêu từ thị trường thế giới đạt 6,6 triệu USD, giảm 55,8% so với quý I/2021. Tuy nhiên, Trung Quốc tăng mạnh nhập khẩu hạt tiêu từ Việt Nam, mức tăng 24,7% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 2,73 triệu USD.

5 thị trường nhập khẩu hạt tiêu lớn nhất thế giới và thị phần của Việt Nam

Tỷ giá quy đổi 1 EUR = 1,06 USD (ngày 27/4/2022)

Thị trường	Nhập khẩu từ thế giới		Nhập khẩu từ Việt Nam		Thị phần nhập khẩu từ Việt Nam (%)	
	Năm 2021 (nghìn USD)	So với năm 2020 (%)	Năm 2021 (nghìn USD)	So với năm 2020 (%)	Năm 2021	Năm 2020
EU	438.564	28,3	130.452	46,9	29,75	25,98
Hoa Kỳ	360.396	44,4	235.858	49,4	65,44	63,24
Trung Quốc	54.304	-16,7	17.503	-0,8	32,23	27,06
Anh	64.704	11,1	24.920	46,7	38,51	29,17
Nhật Bản	51.971	25,0	12.998	13,8	25,01	27,48

Nguồn: ITC; Eurostat; Cơ quan Hải quan Trung Quốc; Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

THỊ TRƯỜNG CHÈ

- ▶ *Xri Lan-ca xuất khẩu chè trong 3 tháng đầu năm 2022 đạt 63,7 nghìn tấn, giảm 8,9% so với cùng kỳ năm 2021.*
- ▶ *Năm 2021, thị phần chè của Việt Nam tăng trong tổng trị giá nhập khẩu chè của EU, Pa-ki-xtan, Hoa Kỳ, nhưng thị phần giảm trong tổng trị giá nhập khẩu của Nga và Anh.*
- ▶ *Quý I/2022, xuất khẩu chè đạt 21 nghìn tấn, trị giá 36,7 triệu USD, giảm 11,9% về lượng và giảm 11,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.*



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Xri Lan-ca: Theo Hiệp hội xuất khẩu chè Xri Lan-ca, xuất khẩu chè của Xri Lan-ca trong tháng 3/2022 đạt 23,17 nghìn tấn, giảm 10,2% so với tháng 3/2021. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu chè của Xri Lan-ca đạt 63,7 nghìn tấn, giảm 8,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Đáng chú ý, trong 3 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu chè của Xri Lan-ca tới thị trường I-rắc và Các Tiểu Vương Quốc Ả rập Thống nhất

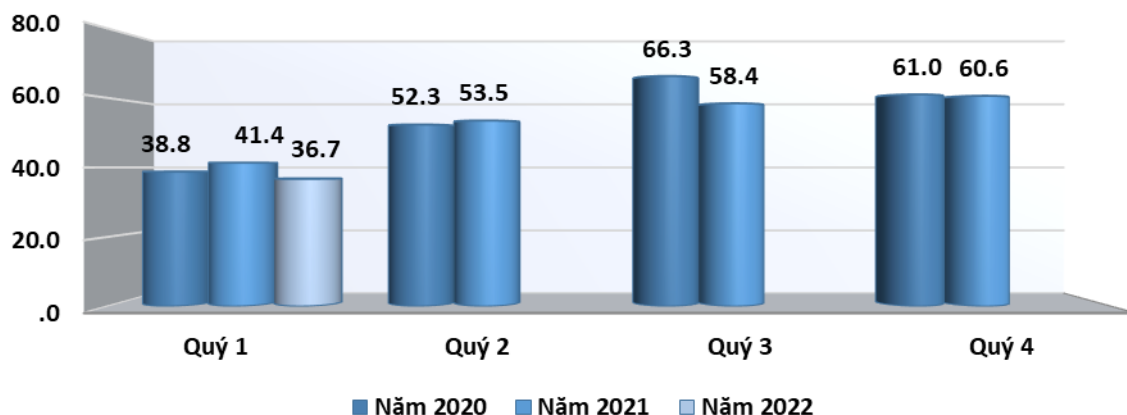
(UAE) tăng rất mạnh. Dẫn đầu về lượng xuất khẩu là thị trường I-rắc đạt 12,7 nghìn tấn, tăng 75,6% so với cùng kỳ năm 2021; tiếp theo là UAE đạt 6,1 nghìn tấn, tăng 44,6%. Tác động từ cuộc xung đột vũ trang giữa Nga và U-crai-na khiến xuất khẩu của Xri Lan-ca tới thị trường Nga giảm, đạt 5,7 nghìn tấn, giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2021. Tiếp theo là các thị trường khác như: A-déc-bai-gian, I-ran, Thổ Nhĩ Kỳ, Li-bi, Trung Quốc...

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CHÈ CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, quý I/2022, xuất khẩu chè đạt 21 nghìn tấn, trị giá 36,7 triệu USD, giảm 11,9% về lượng và giảm 11,3% về trị giá so với cùng kỳ năm

2021. Giá chè xuất khẩu bình quân trong quý I/2021 đạt 1.599,4 USD/tấn, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Tình hình xuất khẩu chè của Việt Nam theo quý giai đoạn năm 2020 - 2022
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Mặt hàng chè xuất khẩu tới các châu lục chính đều giảm tỷ trọng trong quý I/2022, chỉ có xuất khẩu chè tới khu vực châu Mỹ và châu Đại Dương là tăng tỷ trọng. Dẫn đầu về trị giá xuất khẩu là khu vực châu Á, đạt 18,3 triệu USD, giảm 11% về lượng và giảm 12,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Giá chè xuất khẩu bình quân tới khu vực này đạt 1.572,3 USD/tấn, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trị giá xuất khẩu sang khu vực này chiếm 78,5% tổng trị giá xuất khẩu chè trong quý I/2022. Mặt hàng chè xuất khẩu chủ yếu tới thị trường Pa-ki-xtan trong khu vực châu Á, chiếm 46,4%

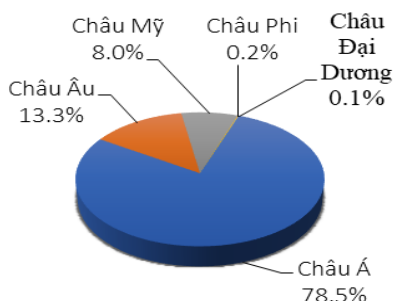
tổng trị giá xuất khẩu chè tới khu vực châu Á.

Tiếp theo là khu vực thị trường châu Âu đạt 2,6 nghìn tấn, trị giá 4,9 triệu USD, giảm 36,2% về lượng và giảm 26% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

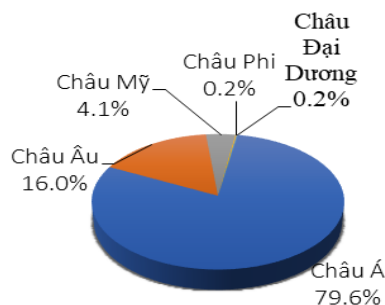
Đáng chú ý, mặt hàng chè xuất khẩu sang khu vực thị trường châu Mỹ đạt 1,9 nghìn tấn, trị giá 2,9 triệu USD, tăng 54,1% về lượng và tăng 73,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Tỷ trọng xuất khẩu sang khu vực này chiếm 7,98%, tăng từ mức 4,09% trong quý I/2021.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu chè sang các châu lục (ĐVT: % theo trị giá)

Quý I/2022



Quý I/2021



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

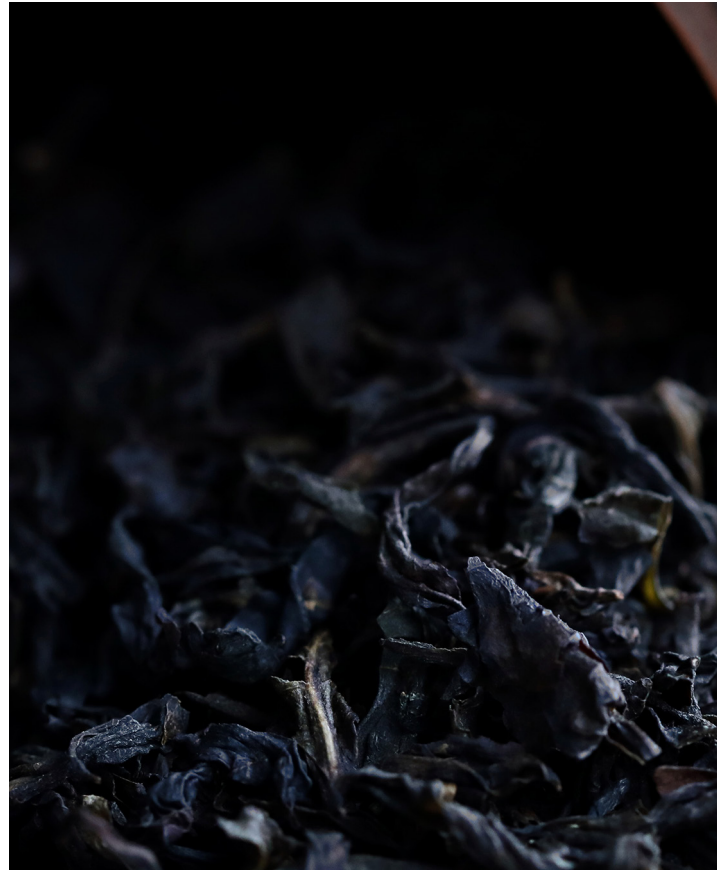
DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CHÈ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Trong cơ cấu thị trường nhập khẩu chè trên toàn thế giới, trị giá nhập khẩu chè từ 5 thị trường chính là EU, Pa-ki-xtan, Hoa Kỳ, Nga và Anh chiếm tỷ trọng lớn nhất trong năm 2021.

Dẫn đầu là thị trường EU, theo số liệu thống kê từ Cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat), trong năm 2021 nhập khẩu chè của EU đạt 1,1 tỷ USD, tăng 4,3% so với năm 2020. Trị giá nhập khẩu chè từ Việt Nam chỉ chiếm 0,4% tổng trị giá nhập khẩu chè của EU trong năm 2021, đạt 3,9 triệu USD, tăng 48,1% so với năm 2020. Tiếp đà tăng trưởng mạnh trong năm 2021, tới tháng 1/2022 trị giá nhập khẩu chè của EU từ Việt Nam đạt 370,7 triệu USD, tăng 37,8% so với tháng 1/2021, tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 0,4% tổng trị giá nhập khẩu chè của EU. Mặc dù trị giá nhập khẩu chè từ Việt Nam tăng mạnh, nhưng chỉ chiếm tỷ nhỏ trong tổng trị giá nhập khẩu chè của EU, do đó vẫn còn rất nhiều dư địa để các doanh nghiệp xuất khẩu chè của Việt Nam khai thác thị trường này.

Với dân số gần 230 triệu người, mức tiêu thụ chè bình quân đầu người ước tính hơn 1 kg/năm, Pa-ki-xtan là một trong những nước nhập khẩu chè lớn nhất thế giới. Sản lượng chè tại Pa-ki-xtan hiện tại ở mức thấp, do đó đáp ứng nhu cầu tiêu thụ chè trong nước chủ yếu là từ nguồn nhập khẩu. Theo số liệu thống kê từ Hiệp hội chè Pa-ki-xtan, trong năm 2021, trị giá nhập khẩu chè của Pa-ki-xtan đạt 564,4 triệu USD, giảm 0,4% so với năm 2020. Trong đó, Pa-ki-xtan nhập khẩu từ Việt Nam đạt 8,4 triệu USD, tăng 9,5% so với năm 2020, chiếm 1,5% tổng trị giá nhập khẩu. Mặc dù, nhập khẩu chè giảm trong năm 2021, nhưng Pa-ki-xtan vẫn tăng mạnh nhập khẩu chè từ Việt Nam. Sang quý 1/2022, nhập khẩu chè của Pa-ki-xtan đạt 167,8 triệu USD, tăng 19,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam đạt 1,23 triệu USD, giảm 37,6% so với cùng kỳ năm 2021, tỷ trọng nhập khẩu chỉ chiếm 0,7% tổng trị giá nhập khẩu.

Theo Thương vụ Việt Nam tại Pa-ki-xtan, Chính phủ Pa-ki-xtan bắt đầu siết chặt việc kiểm tra chất lượng chè nhập khẩu từ Việt Nam. Do đó, các doanh nghiệp cần chú



ý đến vấn đề an toàn sản phẩm để giữ vững thị trường truyền thống này. Bên cạnh đó, chè của Việt Nam xuất khẩu sang Pa-ki-xtan phải đáp ứng một quy định đặc biệt về kiểm soát hàm lượng độc tố aflatoxin trong sản phẩm chè xuất khẩu. Đồng thời, bao bì, nhãn mác phải phù hợp với văn hóa Hồi giáo và có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn Hồi giáo do cơ quan có thẩm quyền cấp. Như vậy, đáp ứng đúng các tiêu chuẩn và quy định của thị trường Pa-ki-xtan, chè xuất khẩu của Việt Nam sẽ có cơ hội mở rộng thị phần tại thị trường này.

Tiếp theo là thị trường Hoa Kỳ, theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ, năm 2021 nhập khẩu chè nước này đạt 506 triệu USD, tăng 9,9% so với năm 2020. Trong đó, nhập khẩu chè từ Việt Nam đạt 8,3 triệu USD, tăng 9,5% so với năm 2020, chiếm 1,5% tổng trị giá nhập khẩu chè của Hoa Kỳ. Tính đến 2 tháng đầu năm 2022, trị giá nhập khẩu chè của Hoa Kỳ đạt 71,8 triệu USD, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam đạt 1,35 triệu USD, tăng 2,4%

so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 1,9% tổng trị giá nhập khẩu từ Hoa Kỳ. Chè là mặt hàng có



nhều tiềm năng xuất khẩu sang Hoa Kỳ, bởi nhu cầu thị trường lớn, trong khi chè Việt Nam mới chỉ chiếm thị phần thấp. Vì vậy, còn rất nhiều cơ hội để doanh nghiệp xuất khẩu chè của Việt Nam tăng thị phần chè tại thị trường này.

Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan

Nga, trị giá nhập khẩu chè của Nga trong năm 2021 đạt 443,4 triệu USD, tăng 7,3% so với năm 2020. Nga nhập khẩu chè từ Việt Nam đạt 22,1 triệu USD, giảm 11% so với năm 2020. Tính đến tháng 01/2022, trị giá nhập khẩu chè của Nga đạt 29,4 triệu USD, tăng 19,1% so với tháng 01/2021. Trong đó, nhập khẩu chè từ Việt Nam đạt 1,86 triệu USD, tăng 23,8% so với tháng 1/2021, chiếm 0,6% tổng trị giá nhập khẩu. Nga là thị trường xuất khẩu chè quan trọng lớn thứ 2 của Việt Nam, tuy nhiên tác động từ cuộc xung đột vũ trang giữa Nga và U-crai-na, khiến hoạt động xuất khẩu chè của Việt Nam sang thị trường này bị gián đoạn và gặp nhiều khó khăn.

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), Anh nhập khẩu chè trong năm 2021 đạt 307,7 triệu USD, giảm 12,2% so với năm 2020. Trong đó, nhập khẩu chè từ Anh đạt 1,8 triệu USD, giảm 31,4% so với năm 2020. Tính đến 2 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu chè của Anh đạt 64,1 triệu USD, tăng 42% so với cùng kỳ năm 2021. Anh tăng mạnh nhập khẩu chè từ Việt Nam trong 2 tháng đầu năm 2022, đạt 404 nghìn USD, tăng 156% so với cùng kỳ năm 2021. Tận dụng tốt lợi thế từ Hiệp định thương mại tự do giữa Anh và Việt Nam (UKVFTA), mặt hàng chè của Việt Nam sẽ có cơ hội tăng thị phần tại thị trường này. So với các nguồn cung cấp khác chưa có Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với Anh như Trung Quốc, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a..., các sản phẩm chè của Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh hơn tại thị trường này.

5 thị trường chính nhập khẩu chè trên thế giới và tỷ trọng nhập khẩu chè từ Việt Nam năm 2021

Thị trường	Nhập khẩu từ thế giới		Nhập khẩu từ Việt Nam			
	Năm 2021 (Nghìn USD)	So với năm 2020 (%)	Năm 2021 (Nghìn USD)	So với năm 2020 (%)	Tỷ trọng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
EU	1.110.509	4,3	3.914	48,1	0,4	0,2
Pa-ki-xtan	564.405	-0,4	8.357	9,5	1,5	1,3
Hoa Kỳ	505.995	9,9	8.308	25,1	1,6	1,4
Nga	443.388	7,3	22.132	-11,0	5,0	6,0
Anh	307.695	-12,2	1.844	-31,4	0,6	0,8

(Nguồn: Eurostat, Hiệp hội chè Pa-ki-xtan, Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, Cơ quan Hải quan Nga, ITC; Tỷ giá Eur = 1,08 USD)

THỊ TRƯỜNG THỊT

- ▶ Giá lợn nạc tại Chicago Hoa Kỳ có xu hướng giảm trong nửa sau của tháng 4/2022. Đến cuối tháng 4/2022, giá lợn nạc tại Chicago Hoa Kỳ đã giảm 8,3% so với cuối tháng 3/2022 và giảm 5,3% so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ 4 tháng đầu năm 2022, giá lợn hơi tại thị trường trong nước có xu hướng tăng trở lại do việc mở cửa các hoạt động du lịch.
- ▶ Quý I/2022, xuất nhập khẩu thịt các loại giảm so với cùng kỳ năm 2021.

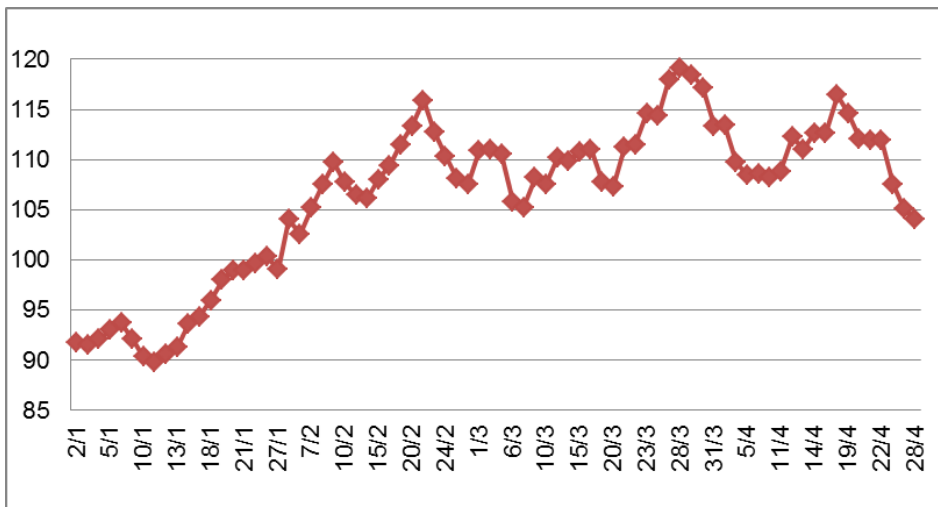
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trong quý I/2022, giá lợn nạc tại Chicago Hoa Kỳ có xu hướng tăng so với cuối năm 2021 do nhu cầu tăng trong bối cảnh nguồn cung thịt lợn có xu hướng giảm. Tuy nhiên, giá lợn giảm trở lại kể từ cuối tháng 3/2022 đến nay do nhu cầu của Trung Quốc giảm.

Xu hướng giảm tiếp tục diễn ra trong nửa cuối tháng 4/2022. Ngày 28/4/2022, giá lợn nạc tại Chicago, Hoa Kỳ giao tháng 5/2022 dao động ở mức 104 UScent/lb, giảm 8,3% so với cuối tháng 3/2022 và giảm 5,3% so với cùng kỳ năm 2021.



Diễn biến giá lợn nạc tại Hoa Kỳ từ đầu năm 2022 đến nay (ĐVT: UScent/lb)



Nguồn: cmegroup.com

Trong quý I/2022, xung đột vũ trang giữa Nga với U-crai-na đã làm trầm trọng hơn gián đoạn chuỗi cung ứng, dịch vụ vận tải và giá thức ăn chăn nuôi tăng mạnh, theo đó kéo chi phí sản xuất tăng cao hơn, ảnh hưởng tới hoạt động chăn nuôi lợn tại nhiều quốc gia, cũng như lợi nhuận của nhà sản xuất. Giá nguyên

liệu thức ăn chăn nuôi sẽ tiếp tục tăng và duy trì ở mức cao cho đến hết năm 2022.

Trong quý I/2022, sản lượng lợn hơi và lợn nái giống của Trung Quốc đều tăng so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, sản lượng lợn hơi của Trung Quốc đạt 422,53 triệu con, tăng 1,6%

so với cùng kỳ năm 2021 (trong đó bao gồm 41,85 triệu con lợn nái giống); sản lượng thịt lợn, thịt bò, thịt cừu và gia cầm của Trung Quốc đạt 23,95 triệu tấn, tăng 8,8%; trong đó sản lượng thịt lợn đạt 15,61 triệu tấn, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2021. Nguồn cung của Trung Quốc tăng mạnh đã hạn chế nhu cầu với hàng nhập khẩu. Trong quý I/2022, Trung Quốc nhập khẩu 1,66 triệu tấn thịt (bao gồm cả nội tạng), trị giá 6,43 tỷ USD, giảm 36,5% về lượng và giảm 23,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Trung Quốc nhập khẩu 420 nghìn tấn thịt lợn, trị giá 847,82 triệu USD, giảm 63,8% về lượng và giảm 73,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu nhập khẩu từ Tây Ban Nha, Bra-xin, Đan Mạch, Ca-na-da, Hà Lan, Pháp, Anh, Chi Lê... Đáng chú ý, nhập khẩu thịt lợn từ các thị trường này đều sụt giảm so với cùng kỳ năm 2021.

Trong báo cáo mới nhất về triển vọng thị trường thịt lợn, Ngân hàng Rabobank dự báo thương mại thịt lợn toàn cầu sẽ sụt giảm trong năm 2022, trong khi nhu cầu tiêu dùng diễn

biến trái chiều tại một số khu vực. Rabobank dự đoán các hộ chăn nuôi lợn sẽ vẫn khó khăn trong năm 2022 khi chi phí thức ăn, năng lượng, giá vận chuyển, dịch bệnh và chi phí lao động sẽ tiếp tục tăng. Tăng trưởng sản xuất thịt lợn cũng như thương mại thịt lợn toàn cầu dự kiến sẽ chậm lại do giá thức ăn chăn nuôi tăng cao. Các nhà sản xuất sẽ tập trung vào chất lượng, hạn chế tăng đàn lợn và dự kiến sẽ giảm ở các khu vực như Anh, Đức và các nước khu vực Đông Nam Á.

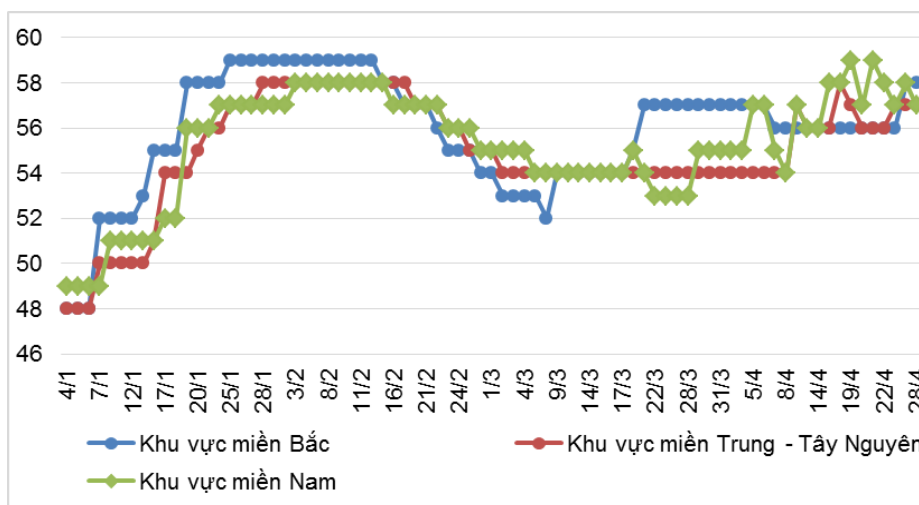
Nhu cầu tiêu thụ thịt lợn diễn biến trái chiều tại một số khu vực. Tại Hoa Kỳ và Hàn Quốc, tiêu thụ thịt lợn dự báo vẫn tăng mạnh do các hạn chế để phòng chống đại dịch đã được dỡ bỏ. Trong khi tiêu thụ tại Trung Quốc, Nhật Bản và Mê-hi-cô giảm do các nước này vẫn đang thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp chống dịch Covid-19 và tăng trưởng kinh tế yếu hơn. Xuất khẩu thịt lợn trong 6 tháng đầu năm 2022 có thể sẽ tiếp tục giảm vì các nước nhập khẩu vẫn thận trọng do kinh tế toàn cầu suy yếu và giá thịt lợn tăng.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong quý I/2022, giá lợn hơi trong nước có xu hướng tăng trở lại, trong đó tăng mạnh nhất là vào cuối tháng 01/2022 và trong 15 ngày đầu tháng 02/2022 do nhu cầu tăng cao

trong dịp Tết Nguyên đán. Tuy nhiên, giá giảm trở lại từ giữa tháng 02/2022 do nhu cầu yếu và nguồn cung tăng.

Diễn biến giá lợn hơi tại miền Bắc, miền Trung - Tây Nguyên và miền Nam từ đầu năm 2022
(Đơn vị tính: nghìn đồng)



Nguồn: Trung tâm Công nghiệp và thương mại tổng hợp

Trong tháng 4/2022, nhu cầu tiêu thụ thịt và các sản phẩm từ thịt tăng trở lại do việc mở

cửa trở lại các hoạt động du lịch, văn hóa và lễ hội, các nhà hàng, nhà ăn tại trường học và nhà

máy, nên giá lợn hơi tăng nhẹ trở lại tại một số khu vực. Hiện giá lợn hơi trên cả nước trung bình dao động trong khoảng 53.000-58.000 đồng/kg, tăng 1.000-3.000 đồng/kg so với cuối tháng 3/2022.

Thời gian tới, khả năng giá lợn hơi sẽ tiếp tục tăng khi giá thành chăn nuôi và giá xăng dầu ở mức cao, nhưng khó có thể tăng đột biến do các trường học sẽ bước vào kỳ nghỉ hè, các nhà hàng, quán ăn cũng đều đang giữ mức trung bình và chưa phục hồi như thời gian trước.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo Việt Nam sẽ vươn lên vị trí thứ 2 châu Á về tiêu thụ thịt lợn trong năm 2022.

Theo đó, tiêu thụ thịt lợn tại Việt Nam dự báo đạt 3,4 triệu tấn vào năm 2022, với tốc độ tăng trưởng hàng năm là 3,1% trong giai đoạn 2022-2030.

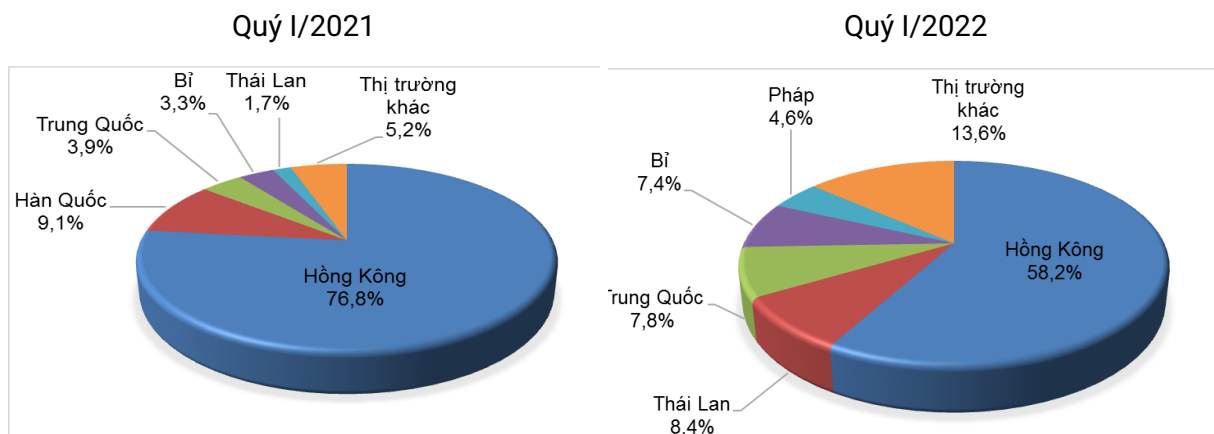
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn dự báo, sản lượng thịt gia súc và gia cầm trong quý II/2022 đạt khoảng 1.665,1 nghìn tấn, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, sản lượng thịt bò đạt khoảng 110 nghìn tấn, tăng 3,4%; sản lượng thịt trâu đạt khoảng 28,1 nghìn tấn, tăng 2,6%; sản lượng thịt lợn đạt khoảng 1.051 nghìn tấn, tăng 4,7%; sản lượng thịt gia cầm đạt khoảng 476 nghìn tấn, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2021. Về tiêu thụ, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trong quý II/2022 dự báo vẫn chậm.



Về xuất khẩu: Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong quý I/2022, Việt Nam xuất khẩu được 3,42 nghìn tấn thịt và sản phẩm thịt, trị giá 14,13 triệu USD, giảm 24,1% về lượng và giảm 17% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu chủ yếu sang các nước thuộc khu vực châu Á, trong đó xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Hồng Kông, chiếm 58,2% tổng kim ngạch thịt và các sản phẩm thịt xuất khẩu của cả nước, đạt 1,43 nghìn tấn, trị giá 8,22 triệu USD, giảm 55,8% về lượng và giảm 37,1% về trị giá so với quý I/2021.

Thời gian qua, việc xuất khẩu sản phẩm thịt cũng đã có những bước tiến như xuất khẩu thịt lợn sữa, lợn mảnh sang thị trường Hồng Kông, một số sản phẩm thịt lợn khử trùng xuất khẩu sang Hàn Quốc. Thị trường xuất khẩu các sản phẩm gia cầm chế biến cũng còn nhiều tiềm năng. Thời gian tới, để đẩy mạnh xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt, các doanh nghiệp của Việt Nam phải đồng thời đáp ứng được những yêu cầu của Tổ chức Thú y thế giới (OIE) và các quy định thị trường mà chúng ta hướng tới. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh, bảo đảm nguồn cung thực phẩm và phục vụ xuất khẩu.

Cơ cấu thị trường chính xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam (% tính theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan cùng kỳ năm 2021.

Trong quý I/2022, các chủng loại thịt và các sản phẩm từ thịt xuất khẩu chủ yếu vẫn là đùi ếch đông lạnh (được xuất khẩu chủ yếu sang Pháp, Mỹ và Bì); Thịt lợn sữa đông lạnh và thịt lợn nguyên con đông lạnh (được xuất khẩu duy nhất sang thị trường Hồng Kông); Thịt và phụ phẩm ăn được của gia cầm (được xuất khẩu chủ yếu sang Hàn Quốc, Trung Quốc); Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của trâu, bò, lợn (được xuất khẩu chủ yếu sang Trung Quốc và thị trường Hồng Kông)...

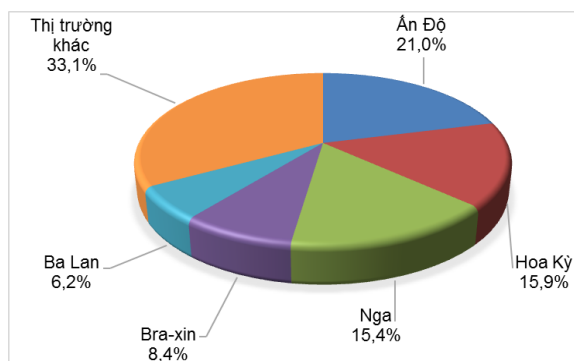
Thời gian tới, nhu cầu tiêu thụ thịt và các sản phẩm thịt dự kiến sẽ tăng trở lại do Việt Nam mở cửa du lịch, các hoạt động trở lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên do nguồn cung thịt của Việt Nam khá dồi dào, cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trong nước, nên dự báo nhập khẩu thịt và các sản phẩm thịt sẽ không tăng đột biến trong thời gian tới.

Về nhập khẩu: Do nhu cầu yếu nên nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam tiếp tục giảm trong quý I/2022. Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, quý I/2022, Việt Nam nhập khẩu 134,29 nghìn tấn thịt và sản phẩm từ thịt, trị giá 303,53 triệu USD, giảm 20,7% về lượng và giảm 10% về trị giá so với

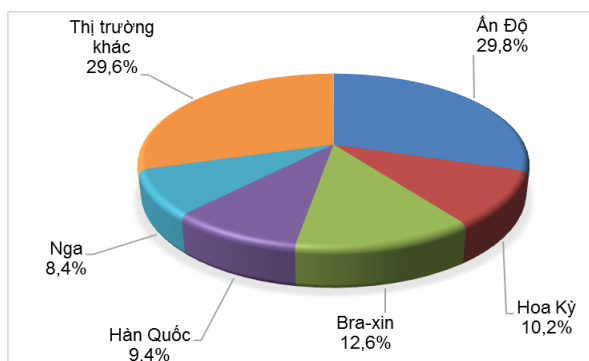
Trong quý I/2022, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Bra-xin, Hàn Quốc và Nga là 5 thị trường lớn nhất cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt cho Việt Nam. Trong đó, Ấn Độ là thị trường lớn nhất cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt cho Việt Nam với 40,04 nghìn tấn, trị giá 121,72 triệu USD, tăng 12,7% về lượng và tăng 6,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt cho Việt Nam
(ĐVT: % tính theo lượng)

Quý I/2021



Quý I/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Trong quý I/2022, thịt và các sản phẩm từ thịt nhập khẩu chủ yếu là các chủng loại như: Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ, của gia cầm thuộc nhóm 01.05, tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; thịt trâu tươi đông lạnh; thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò sống ướp lạnh hoặc đông lạnh... Trong đó, nhập khẩu thịt gia cầm, thịt lợn, thịt bò tiếp tục xu hướng giảm; trong khi nhập khẩu thịt trâu tăng so với cùng kỳ năm 2021.

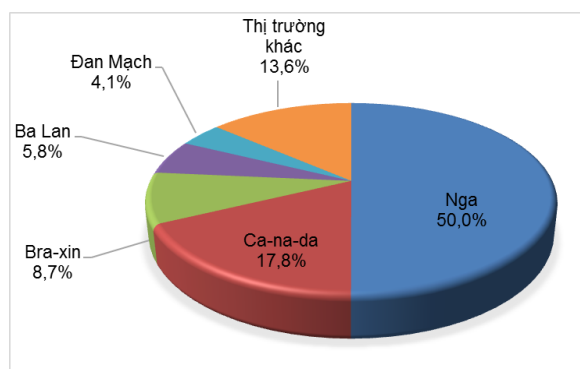
Trong quý I/2022, Việt Nam nhập khẩu 21,1 nghìn tấn thịt lợn (mã HS 0203), trị giá 46,06

triệu USD, giảm 34,8% về lượng và giảm 39,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thời gian qua, nhập khẩu thịt lợn liên tục giảm do dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp khiến tiêu thụ thịt lợn trong nước không mấy khả quan, trong khi sản lượng lợn liên tục phục hồi.

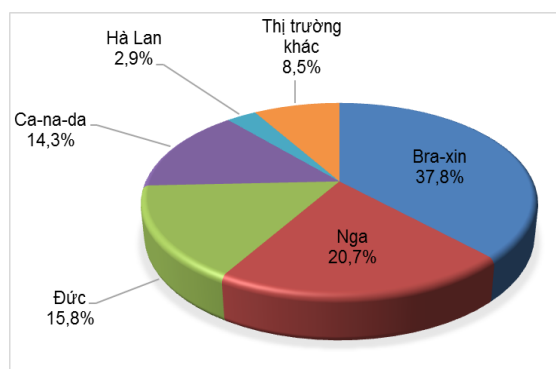
Trong quý I/2022, Bra-xin, Nga, Đức, Ca-na-da và Hà Lan là 5 thị trường lớn nhất cung cấp thịt lợn cho Việt Nam. Trong đó, Bra-xin là thị trường lớn nhất cung cấp thịt lợn cho Việt Nam với 7,99 nghìn tấn, trị giá 18,04 triệu USD, tăng 185,6% về lượng và tăng 181,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh cho Việt Nam
(ĐVT: % tính theo lượng)

Quý I/2021



Quý I/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

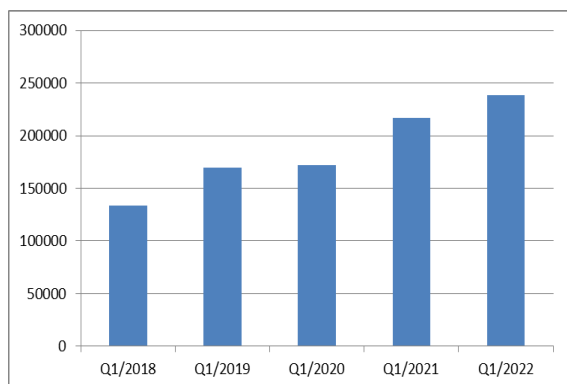
- ▶ Quý I/2022, xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo đạt mức cao kỷ lục; giá xuất khẩu trung bình tăng 26% so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ Giá cá tra nguyên liệu tại tỉnh An Giang từ đầu năm 2022 đến nay tăng mạnh; giá tôm nguyên liệu tại Cà Mau tăng nhẹ.
- ▶ Quý I/2022, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng thủy sản của Việt Nam tăng so với cùng kỳ năm 2021, trừ xuất khẩu cá đóng hộp và cá khô giảm mạnh.
- ▶ Các tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu thủy sản của hầu hết các thị trường tiếp tục tăng mạnh.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

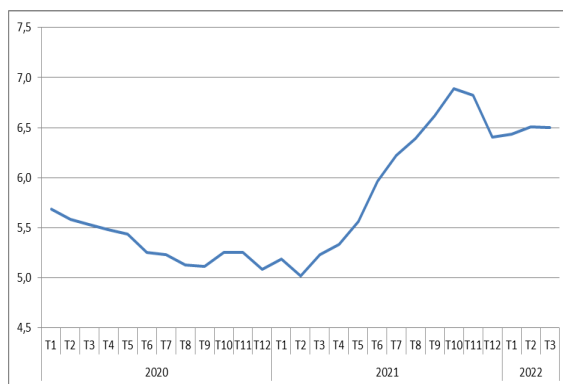
- Ê-cu-a-đo: Quý I/2022, xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo đạt 238,4 nghìn tấn, trị giá 1,5 tỷ USD, tăng 43,8% về lượng và tăng 81,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, lên mức cao kỷ lục trong quý I các năm. Giá xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo các tháng đầu năm 2022 mặc dù đã giảm so với thời điểm cuối năm 2021, nhưng vẫn tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021, trung bình quý I/2021 đạt 6,5 USD/kg, tăng 26%.



Lượng tôm xuất khẩu của Ê-cu-a-đo giai đoạn 2018 - 2022 (ĐVT: Nghìn tấn)



Diễn biến giá tôm xuất khẩu trung bình của Ê-cu-a-đo giai đoạn 2020 - 2022 (ĐVT: USD/kg)



Nguồn: Phòng nuôi trồng thủy sản quốc gia Ê-cu-a-đo

Trung Quốc là thị trường xuất khẩu tôm lớn nhất của Ê-cu-a-đo trong quý I/2022 với tỷ trọng theo lượng chiếm tới 55,6%, tăng so với mức 35% trong quý I/2021, đạt 132,6 nghìn tấn, tăng 199% so với cùng kỳ năm 2021. Trong khi đó, tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ và EU giảm lần lượt từ 23% và 25,5% trong quý I/2021, xuống còn 18,6% và 18,8% trong quý I/2022, đạt 44,4 nghìn tấn và 44,9 nghìn tấn,

tăng 51% và 21% so với cùng kỳ năm 2021.

- Nhật Bản: Kể từ cuối tháng 3/2022, tiêu thụ thủy sản ở Nhật Bản đã cải thiện do lễ hội mùa xuân diễn ra vào tháng 4 và tháng 5 hàng năm. Cùng với đó, chính phủ nước này đã dỡ bỏ hầu hết các hạn chế nhằm kiểm soát dịch Covid-19 cũng giúp cải thiện doanh số bán hàng của nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

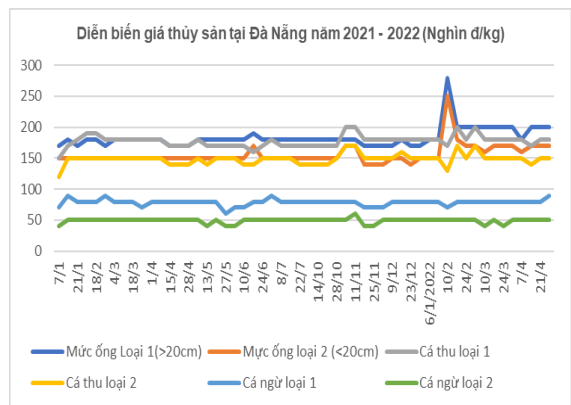
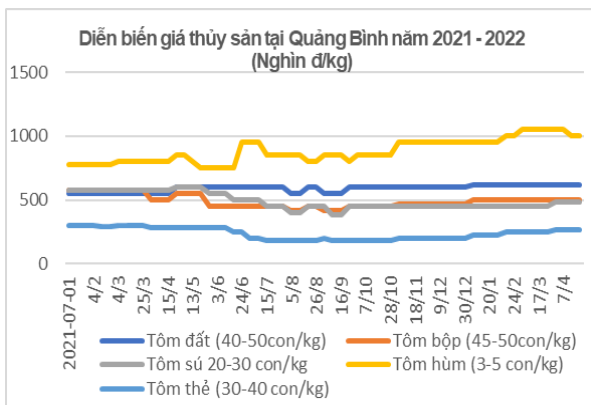
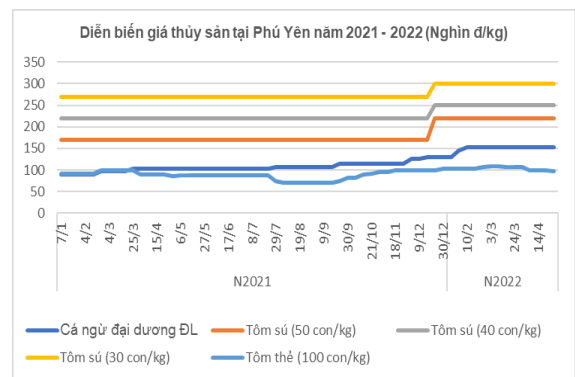
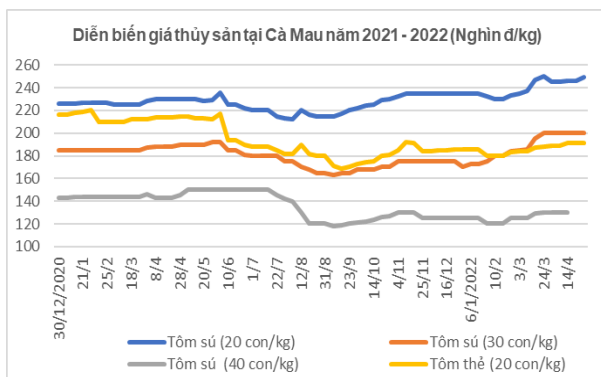
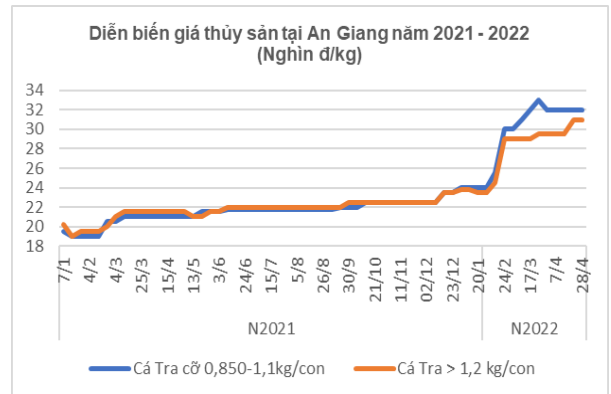
Theo Tổng cục Thống kê, quý I/2022, sản lượng thủy sản ước tính đạt 1.863,6 nghìn tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: sản lượng cá đạt 1.385,2 nghìn tấn, tăng 1,7%; tôm đạt 180,5 nghìn tấn, tăng 5,7%; thủy sản khác đạt 297,9 nghìn tấn, tăng 1,2%.

Quý I/2022, sản lượng thủy sản khai thác ước tính đạt 875,6 nghìn tấn, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 668,7 nghìn tấn, giảm 1,1%; tôm đạt 32,4 nghìn tấn, giảm 0,3%. Sản lượng thủy sản khai thác biển quý I năm 2022 ước đạt 835,3 nghìn tấn, giảm 1,3%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng quý I/2022 ước tính đạt 988 nghìn tấn, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 716,5 nghìn tấn, tăng 4,6%; tôm đạt 148,1 nghìn tấn, tăng 7,1%. Các địa phương tiếp tục phát triển nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh, bán thâm canh công nghệ cao song song với quy trình nuôi mới, ao lót bạt đáy, chủ động trong việc

kiểm soát môi trường ngày càng tốt hơn. Ước tính quý I/2022, sản lượng tôm sú đạt 47 nghìn tấn, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm thẻ chân trắng đạt 89,1 nghìn tấn, tăng 12,9%.

Giá cá tra tại tỉnh An Giang từ đầu năm 2022 đến nay có xu hướng tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021; giá tôm nguyên liệu cho sản xuất xuất khẩu tại tỉnh Cà Mau cũng có xu hướng tăng nhẹ. Trong khi giá thủy sản tiêu thụ trong nước không có biến động lớn.



Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM QUÝ I/2022

Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, quý I/2022, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 529,46 nghìn tấn, trị giá 2,523 tỷ USD, tăng 20,7% về lượng và tăng 45,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Đây là kết quả đáng ghi nhận của ngành thủy sản trong bối cảnh thương mại thủy sản toàn cầu bị ảnh hưởng khi giá xăng dầu tăng, cước vận tải biển, chi phí logistic ở mức cao trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh và căng thẳng chính trị giữa Nga và U-crai-na. Điều này cho thấy các doanh nghiệp đã tận dụng thành công cơ hội thị trường khi nhu cầu của các nhà nhập khẩu tăng, đặc biệt là cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do mang lại. Cùng với đó, giá thủy sản tăng cao so với cùng kỳ năm 2021 cũng là yếu tố hỗ trợ ngành thủy sản trong quý I/2022.

Trong quý I/2022, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng thủy sản của Việt Nam tăng so với cùng kỳ năm 2021, trừ xuất khẩu cá đóng hộp và cá khô giảm mạnh. Xuất khẩu cá đóng hộp và cá khô giảm do xuất khẩu sang Nga và U-crai-na giảm mạnh. Đây là hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của nhóm hàng này.



Mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam quý I/2022

	Quý I/2022		So với quý I/2021 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	529.459	2.523.787	20,7	45,4
Tôm các loại	95.304	945.198	28,4	43,4
Cá tra, basa	232.144	653.637	31,6	88,5
Cá ngừ các loại	44.293	258.318	28,7	70,5
Cá đông lạnh	45.261	223.281	4,7	10,7
Chả cá	38.565	88.818	-2,9	4,7
Mực các loại	15.515	84.703	51,0	39,9
Bạch tuộc các loại	9.139	68.807	14,4	25,6
Cá khô	16.512	60.647	-18,5	-5,9
Cua các loại	2.510	29.211	16,1	48,7
Ghẹ các loại	1.765	20.910	13,3	54,7
Nghêu các loại	8.716	20.726	17,1	34,4
Cá đóng hộp	5.691	16.085	-30,0	-24,3
Trứng cá	694	11.190	25,1	26,7
Mắm	3.772	8.488	-8,2	37,0
Cá sống	3.367	5.931	10,1	15,6
Sò các loại	595	5.522	17,6	36,2
Ruốc	2.503	3.928	36,0	38,3
Mặt hàng khác	3.112	18.386	11,6	21,5

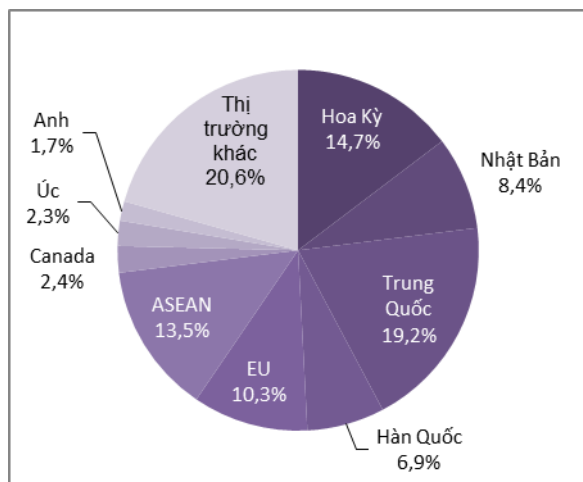
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản trong quý I/2022 có sự thay đổi khi tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, Trung Quốc,

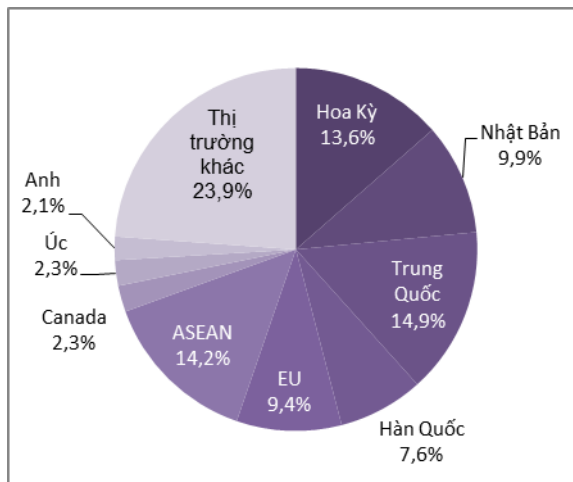
EU tăng, trong khi tỷ trọng xuất khẩu sang Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN giảm.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam (Tỷ trọng tính theo lượng)

Quý I/2022



Quý I/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Dự báo: xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong quý II/2022 sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm 2021 khi nhu cầu nhập khẩu của nhiều thị trường vẫn ở mức cao và giá thủy sản tăng mạnh so với cùng kỳ

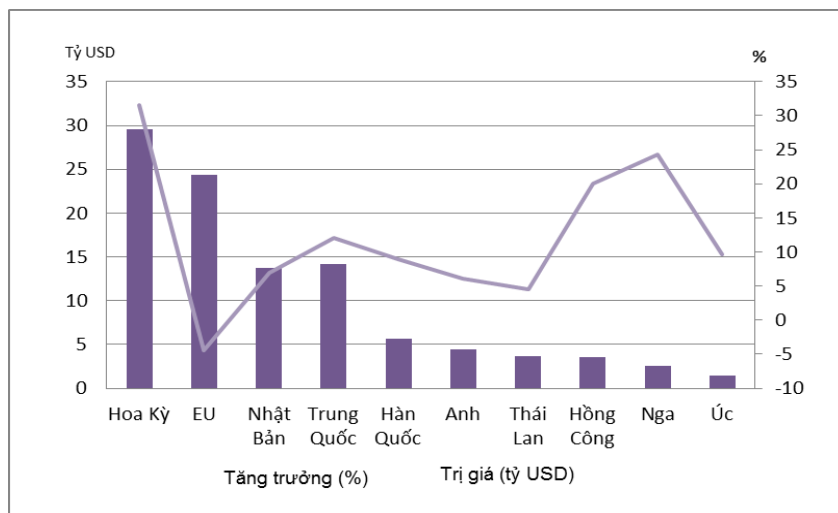
năm 2021. Tuy nhiên, ngành thủy sản cũng đối mặt với nhiều khó khăn như: chi phí đầu vào từ nguyên liệu, phụ liệu, bao bì đều tăng, trong khi chi phí logistics, vận tải đường biển giữ ở mức cao.

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỦA 10 THỊ TRƯỜNG LỚN NHẤT THẾ GIỚI

Năm 2021, nhập khẩu thủy sản của 9/10 thị trường nhập khẩu lớn nhất thế giới tăng so với năm 2020. Trong đó, nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng mạnh nhất, tăng 31,6% so với năm 2020, đạt 29,6 tỷ USD; nhập khẩu của EU đạt 24,4 tỷ USD, giảm 4,5%; nhập khẩu của Trung

Quốc đạt 14,2 tỷ USD, tăng 12%; nhập khẩu của Nhật bản đạt 13,7 tỷ USD, tăng 7%; nhập khẩu của các thị trường lớn tiếp theo như Hàn Quốc, Anh, Thái Lan, Hồng Công, Nga và Đài Loan đều tăng so với năm 2020.

Nhập khẩu thủy sản của 10 quốc gia lớn nhất thế giới năm 2021 (ĐVT: Tỷ USD)



Nguồn: ITC, Hải quan Trung Quốc, Eurostat



Các tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu thủy sản của hầu hết các thị trường tiếp tục tăng mạnh, bất chấp diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trong các tháng đầu năm và căng thẳng chính trị giữa Nga và U-crai-na diễn ra kể từ cuối tháng 2/2022.

- Hoa Kỳ: nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ trong 2 tháng đầu năm 2022 tăng 38,7% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 5,01 tỷ USD. Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam đạt 345,05 triệu USD, tăng 44,6% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần thủy sản Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng từ 6,6% trong 2 tháng đầu năm 2021, lên 6,9% trong 2 tháng đầu năm 2022.

- EU: Theo thống kê của Eurostat, tháng 1/2022, nhập khẩu thủy sản của EU từ thị trường ngoài khối đạt 451 nghìn tấn, trị giá 2,59 tỷ USD, tăng 3,5% về lượng và tăng 33,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 4 cho EU trong tháng 1/2022 với tỷ trọng chiếm 5,3% về lượng và 5,1% về trị giá, đạt 23,8 nghìn tấn, trị giá 131,2 triệu USD, tăng 20,5% về lượng và tăng 56,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

- Trung Quốc: Theo thống kê của cơ quan Hải quan Trung Quốc, quý I/2022, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc đạt 3,986 tỷ USD, tăng 48,3% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó,

Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 4 cho Trung Quốc, chiếm 7,1% trong tổng nhập khẩu của nước này, đạt 282,2 triệu USD, tăng 87,9% so với cùng kỳ năm 2021.

- Nhật Bản: Quý I/2022, nhập khẩu thủy sản của Nhật Bản đạt 439,9 nghìn tấn, trị giá 391,9 tỷ Yên (tương đương 2,99 tỷ USD), tăng 0,5% về lượng và tăng 32,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nhập khẩu thủy sản của Nhật Bản từ Việt Nam đạt 30,9 nghìn tấn, trị giá 28,9 tỷ Yên (tương đương 221 triệu USD), tăng 8,2% về lượng và tăng 25,9% về trị giá so với quý I/2021, chiếm 7,03% về lượng và chiếm 7,38% về trị giá trong tổng nhập khẩu thủy sản của nước này.

- Hàn Quốc: Theo số liệu thống kê của cơ quan Hải quan Hàn Quốc, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc 3 tháng đầu năm 2022 đạt 400,2 nghìn tấn, trị giá 1,608 tỷ USD, tăng 8,2% về lượng và tăng 19,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó thị phần thủy sản của Việt Nam chiếm 8,8% về lượng và 12,5% về trị giá, đạt 35,37 nghìn tấn, trị giá 200,4 triệu USD, tăng 1,3% về lượng và tăng 17,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Đáng chú ý là nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc từ Nga vẫn tăng do Hàn Quốc vẫn không hạn chế nhập khẩu thủy sản từ Nga và các sản phẩm thủy sản của Nga có mức giá thấp.

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ Trong quý I/2022, Trung Quốc xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 5,4 tỷ USD, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm 2021.
- ▶ Năm 2021, thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam giảm trong tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ, EU, Anh và Nhật Bản, chỉ tăng trong tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ca-na-đa.
- ▶ Trong 4 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 5,48 tỷ USD, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2021.

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Trung Quốc; Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc trong quý I/2022 đạt 5,4 tỷ USD, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, ghế khung gỗ (mã HS 940161-940169) và mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính Trung Quốc xuất khẩu trong quý I/2022, chiếm 79% tổng trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc. Dẫn đầu về trị giá xuất khẩu là mặt hàng ghế khung gỗ đạt 2,3 tỷ USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2021; tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 1,98 tỷ USD, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm

2021. Ngoài ra, trong quý I/2022 Trung Quốc còn xuất khẩu một số mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ khác nhưng trị giá chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ như đồ nội thất phòng ngủ, đồ nội thất văn phòng và đồ nội thất nhà bếp.

Trung Quốc xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ chủ yếu tới 5 thị trường chính, chiếm 58,5% tổng trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ. Trong đó, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu sang Hoa Kỳ lớn nhất đạt 1,77 tỷ USD, giảm 4,1% so với quý I/2021; tiếp theo là thị trường Úc đạt 371 triệu USD, tăng 12,1%; Nhật Bản đạt 329,2 triệu USD, tăng 4%; Anh đạt 337,5 triệu USD, giảm 9,2%...

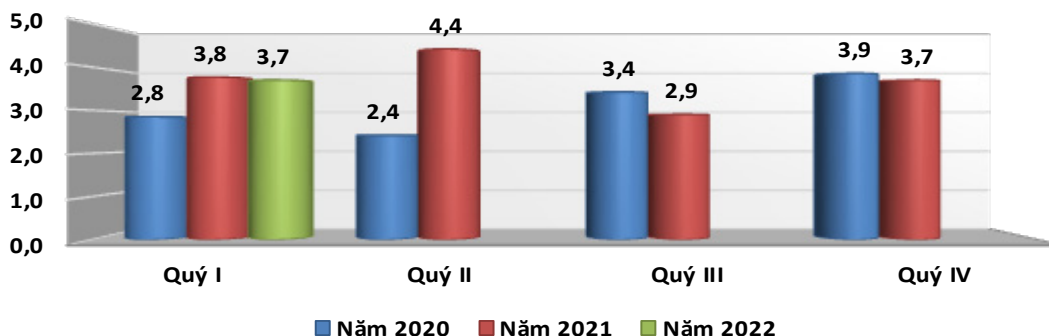


TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 4/2022 ước tính đạt 1,5 tỷ USD, tăng 7,3% so với tháng 4/2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 5,48 tỷ USD, tăng 4,9% so với cùng kỳ

năm 2021. Tính riêng sản phẩm gỗ xuất khẩu, trị giá xuất khẩu trong tháng 4/2022 ước đạt 1,13 tỷ USD, tăng 6,4% so với tháng 4/2021; Trong 4 tháng đầu năm 2022 ước đạt 4,14 tỷ USD, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ theo quý giai đoạn năm 2020 - 2022
(ĐVT: Tỷ USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

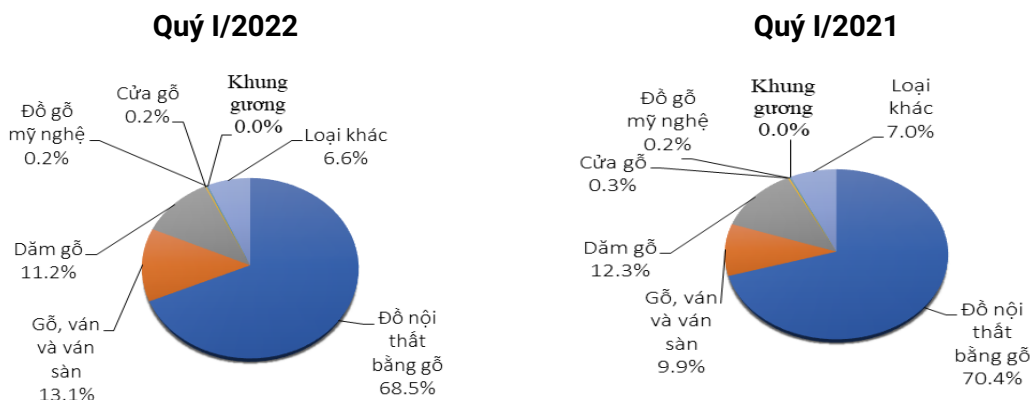
Trong quý I/2022, đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng xuất khẩu chính trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ, với tỷ trọng chiếm 68,52% tổng kim ngạch xuất khẩu. Đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu nhiều nhất tới khu vực châu Mỹ trong quý I/2022, đạt 2,2 tỷ USD, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2021. Tỷ trọng xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ tới khu vực châu Mỹ chiếm 80,5% tổng trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ. Tiếp theo là khu vực châu Á, châu Âu, châu Đại Dương và châu Phi.

2021. Mặt hàng gỗ ván và ván sàn xuất khẩu nhiều nhất tới thị trường châu Á đạt 249,2 triệu USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm 2021; tiếp theo là thị trường châu Mỹ đạt 217,7 triệu USD, tăng 34,2%; châu Âu đạt 26,1 triệu USD, tăng 25,2%...

Tiếp theo mặt hàng dăm gỗ xuất khẩu trong quý I/2022 đạt 459,2 triệu USD, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2021. Mặt hàng dăm gỗ xuất khẩu chủ yếu tới thị trường châu Á, trị giá xuất khẩu dăm gỗ tới thị trường này chiếm 99,7% tổng trị giá xuất khẩu. Còn lại tỷ trọng nhỏ là xuất khẩu tới thị trường châu Âu.

Mặt hàng gỗ ván và ván sàn là mặt hàng xuất khẩu lớn thứ 2 trong quý I/2022, đạt 499,8 triệu USD, tăng 24,7% so với cùng kỳ năm

Cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu (ĐVT: % theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường chính tăng mạnh trong năm 2021, trừ thị trường Nhật Bản. Dẫn đầu về trị giá nhập khẩu trong năm 2021 là thị trường Hoa Kỳ, theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ đạt 27,8 tỷ USD, tăng 31,1% so với năm 2020. Việt Nam đã vượt Trung Quốc trở thành thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất cho Hoa Kỳ kể từ năm 2020. Trong năm 2021, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ Việt Nam đạt 10,4 tỷ USD, tăng 28,1% so với năm 2020. Tính đến 2 tháng đầu năm 2022, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ đạt 4,8 tỷ USD, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam đạt 1,6 tỷ USD, giảm 12,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Tiếp theo là thị trường EU, theo số liệu thống kê từ Eurostat, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ EU đạt 24,5 tỷ USD tăng 19,4% so với năm 2020. Trong đó trị giá nhập khẩu từ Việt Nam đạt 531,8 triệu USD, tăng 14,7% so với năm 2020. Tiếp đà tăng trưởng trong năm 2021, sang tháng đầu năm 2022, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU tiếp tục tăng trưởng, đạt 2,1 tỷ USD, tăng 19,1% so với tháng 1/2021. EU nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ Việt Nam đạt 64,5 triệu USD, tăng 50,6% so với tháng 1/2021. Tỷ trọng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ Việt Nam chiếm 3,1% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU trong tháng 1/2022, tăng 0,7 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021. Nhu cầu nhập khẩu

đồ nội thất bằng gỗ của EU dự kiến tiếp tục tăng, do tình hình dịch bệnh dần được kiểm soát, nhưng ảnh hưởng bởi cuộc xung đột vũ trang giữa Nga và Ucraina khiến các thị trường chính trong khối EU như Ý, Đức giảm sản xuất do nguồn cung gỗ bị hạn chế, chi phí nguyên liệu tăng cao. Bên cạnh đó, thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ ngoài khối lớn nhất cho EU là Trung Quốc vẫn đang thực hiện chính sách “zero Covid”, áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, nên hoạt động sản xuất và xuất khẩu của nước này bị gián đoạn. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam mở rộng thị phần tại thị trường EU.

Anh là thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 3 thế giới, năm 2021 đạt 4,9 tỷ USD, tăng 32,1% so với năm 2020. Trong đó, Anh nhập khẩu từ Việt Nam đạt 346,4 triệu USD, tăng 25,8% so với năm 2020. Tính đến 2 tháng đầu năm 2022, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Anh đạt 995,7 triệu USD, tăng 37,8% so với cùng kỳ năm 2021. Nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ Việt Nam chỉ chiếm 6,7% trong 2 tháng đầu năm 2022, đạt 66,4 triệu USD, tăng 27,2% so với cùng kỳ năm 2021. Dù địa thị trường lớn nhưng yêu cầu tiêu chuẩn nhập khẩu khắt khe tại thị trường Anh, do đó để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này, các doanh nghiệp xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam cần đầu tư nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm hàng hóa nhằm củng cố tính cạnh tranh của sản phẩm tại thị trường Anh trong thời gian tới.

5 thị trường chính nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ trên thế giới và tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam năm 2021

Thị trường	Nhập khẩu từ thế giới		Nhập khẩu từ Việt Nam			
	Năm 2021 (Nghìn USD)	So với năm 2020 (%)	Năm 2021 (Nghìn USD)	So với năm 2020 (%)	Tỷ trọng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Hoa Kỳ	27.847.662	31,1	10.432.274	28,1	37,5	38,4
EU	24.451.793	19,4	531.977	14,7	2,2	2,3
Anh	4.871.475	32,1	346.357	25,8	7,1	7,5
Ca-na-đa	2.500.241	25,3	416.446	27,9	16,7	16,3
Nhật Bản	2.352.130	4,2	509.707	-7,7	21,7	24,5

Nguồn: Eurostat, ITC - Tỷ giá: 1Eur -1,08 USD

IN-ĐÔ-NÊ-XI-A YÊU CẦU BỔ SUNG THÔNG TIN KHAI BÁO ĐỐI VỚI HÀNG THỰC PHẨM TƯƠI SỐNG XUẤT KHẨU CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT

Bộ Nông nghiệp In-đô-nê-xi-a có thông báo yêu cầu các doanh nghiệp xuất khẩu hàng thực phẩm tươi sống (Fresh Food of Plant Origin-FFPO) bổ sung thêm một số thông tin khi tiến hành thực hiện khai báo Thông báo trước (Prior Notice) đối với các lô hàng xuất khẩu vào nước này với hiệu lực thực hiện từ 10/05/2022.

Các thông tin yêu cầu khai báo bổ sung bao gồm:

1. Thông tin về doanh nghiệp nhập khẩu
2. Số, ngày cấp và nơi cấp Chứng nhận vệ sinh dịch tễ
3. Tên phòng kiểm nghiệm thực phẩm đã được phía In-đô-nê-xi-a phê duyệt
4. Số chứng nhận phân tích (Certificate of Analysis-COA)

Việc kê khai Thông báo trước với các nội

dung thông tin bổ sung nêu trên phải được công ty xuất khẩu hoặc đại diện của công ty xuất khẩu tại nước xuất xứ thực hiện theo phương thức trực tuyến (online) thông qua hệ thống Thông báo trước trước khi lô hàng đến cảng In-đô-nê-xi-a tại trang thông tin điện tử: <http://karatina.pertanian.go.id/LayanaPublik/PSAT> hoặc <http://notice.karatina.pertanian.go.id>

Theo qui định của In-đô-nê-xi-a, doanh nghiệp xuất khẩu hàng thực phẩm tươi sống vào In-đô-nê-xi-a phải thực hiện Thông báo trước (Prior Notice) và phải kèm theo Chứng nhận phân tích (COA) do một trong 10 Phòng kiểm nghiệm Việt Nam đã được phía In-đô-nê-xi-a phê duyệt.

Doanh nghiệp Việt Nam cần hỗ trợ có thể liên hệ với Thương vụ Việt Nam tại In-đô-nê-xi-a theo địa chỉ Email: ld@moit.gov.vn

CÁC QUY ĐỊNH VỀ CẤM HOẶC HẠN CHẾ XUẤT NHẬP KHẨU TẠI EU

Tổng vụ Thuế và Hải quan EU đã chính thức khai trương chuyên trang tổng hợp các quy định của EU về việc cấm và hạn chế xuất nhập khẩu.

Các quy định cấm và hạn chế xuất nhập khẩu của EU liên quan đến 350 quy định áp dụng với các mặt hàng từ bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng đến chống hàng giả.

Thông tin định kỳ sẽ được công bố tại trang:

https://ec.europa.eu/taxation_customs/customs-4/prohibitions-and-restrictions_en

Tham khảo tài liệu đính kèm để có thông tin đầy đủ về các mặt hàng hiện đang bị cấm hoặc hạn chế xuất nhập khẩu vào EU:

<https://op.europa.eu/en/publication-detail/-/publication/d2f48d8b-b0a4-11ec-83e1-01aa75ed71a1/language-en>

Lưu ý:

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường. Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.